chịu uống thuốc xả ly, dứt bỏ cho khỏi bệnh. Ram Gopal ngừng nói, chiều xuống đã lâu chỉ còn vài tia nắng vương vấn trên thân thể cực kỳ lực lưỡng của vị đạo sĩ xứ Ấn. Phái đoàn yên lặng bái phục sự giải thích chân lý thật giản dị, khiêm tốn của người mà dân chúng coi là "vị đạo sĩ có thể chữa mọi thứ bệnh".

hết: Chương VII, xem tiếp: Chương VIII

Chương VIII

Đời sống siêu nhân loại

Cuộc gặp gỡ những đạo sư đại diện cho nền minh triết cổ truyền xứ Ấn, đã làm cho phái đoàn phấn khởi, nhưng còn các bậc Chân Sư (Rishi), những vị này như thế nào ? Tại sao một

vị chân sư bí mật gửi thông điệp cho các đạo sư yêu cầu giúp đỡ phái đoàn ? Đây là một dấu hỏi lớn mà mọi người hết sức thắc mắc. Liệu chúng tôi có thể gặp các bậc chân sư không ? Những vị này ở đâu ? Giáo sư Mortimer đã hỏi giáo Kavir, và ông này cho biết có quen một đạo sĩ tu hành tên Akila Bakhtir vốn thường qua lại nhiều trong dãy Tuyết Sơn và có kiến thức rộng về những hiền triết ẩn tu nơi đây. Phái đoàn bèn tìm đến đạo sĩ này, đó là một ông lão gầy như hạc, vẻ mặt lúc nào cũng tươi cười .

Giáo sư Mortimer nôn nóng :

- Theo lời truyền tụng thì ông đã có dịp tiếp xúc với các đạo sĩ Tuyết Sơn ?

Đạo sĩ xác nhận :

- Đúng thế, tôi đã có dịp gặp gỡ các bậc thánh

nhân đó.

- Ông tin rằng họ là những thánh nhân ?
- Dĩ nhiên, không những tôi tin mà còn biết rõ họ là những bậc hiền giả.
- Dựa vào tiêu chuẩn nào mà ông quả quyết như vậy ? Họ có biểu diễn quyền năng hay làm gì khác người không ? Liệu có thể có những bậc siêu nhân như vậy không ?

Đạo sĩ gật đầu :

- Sự có mặt trên thế gian của những bậc thánh nhân là điều hợp lý, nếu ta tin các luật : Luân hồi, Quả báo, Tiến hoá và Nhân quả. Nếu quan sát , ta sẽ thấy con người đều có các trình độ khác nhau. Có người kém ta rất xa, có người lại hơn ta rõ rệt. Nếu nhân loại tuần tự tiến hoá thì trải qua nhiều kiếp sống, và thời gian, tất phải có

những người đã tiến bộ rất xa chứ. Theo tôi biết, đã có những người tiến xa hơn hàng ngũ nhân loại hiện nay, đã khai mở một vài giác quan thượng đẳng, quyền năng siêu việt mà ta gọi là bậc Thánh Nhân. Sự thực, các quyền năng này đều tiềm tàng trong mọi người chúng ta, chờ đợi cơ hội khai mở. Khi khai mở các quyền năng này, ta sẽ thấy rõ các nấc thang tiến hoá của nhân loại và nhận định rằng ở mỗi nấc thang đều đã có kẻ đạt đến. Lịch sử các quốc gia đều chứa đựng công trình vĩ đại của các bậc vĩ nhân trên mọi lãnh vực hoạt động. Những người này, trong phạm vi riêng biệt của họ đã vượt xa quần chúng và tầm hiểu biết của những người đương thời. Thí dụ như các bác học, các nhà tư tưởng lớn. Sự tiến hoá chẳng qua chỉ là biểu lộ của sự

sống thiêng liêng, con người càng ngày càng trở nên tốt đẹp, tế nhị vì sự sống vô cùng cần được biểu lộ qua hình thể đó. Một bậc toàn thiện là việc tự nhiên, hợp lý do sự kết tinh đến mức tuyệt đỉnh của một con đường tiến hoá dài và liên tục. Tất cả kinh điển mọi tôn giáo đều chứng minh sự hiện diện của các bậc siêu nhân. Mọi tôn giáo khi thành lập đều có các bậc thánh nhân xuất hiện. Người Ấn có các thần linh như : Brahman, Vishnu, Shiva hoặc các đấng cao cả như Krishna, Sancharacharya. Tín đồ Phật giáo thì có đức Thích Ca, đức Quan Thế Âm. Tín đồ Thiên chúa giáo thì có đấng Jesus, các nhà tiên tri, các bậc thánh; các bộ lạc man dã cũng có các thần linh riêng của họ.

- Xin ông giải thích rõ hơn về sự tiến hoá này ?

- Luật tiến hoá vũ trụ định rằng mọi vật đêu thay đổi theo thời gian để tiến trên những con đường định sẵn. Dĩ nhiên, đi nhanh hay chậm còn tuỳ cá nhân và hoàn cảnh chung quanh. Loài thảo mộc là kết tinh của loài kim thạch, loài cầm thú sau thảo mộc, và loài người tiếp theo loài cầm thú. Cũng như thế, loài người có một cứu cánh nhất định, một giới hạn mà khi họ vượt qua thì họ sẽ bước vào một giai đoạn mới. Nói một cách khác, trên loài người là đời sống Siêu Nhân Loại. Trong mỗi con người có ba phần chính : xác thân, linh hồn, và tinh thần. Tinh thần là điểm linh quang tiềm tàng trong mọi con người mà ta gọi bằng nhiều danh từ khác nhau như Phật tính, Chân Ngã, Thần tính, v…v..

- Bằng chứng vào đâu mà ông đưa ra thuyết này

?

- Đây không phải là một giả thuyết, trong sự tu luyện, tôi ý thức được điều này. Các tôn giáo lớn cũng nói như thế. Đức Phật đã nói , “Mọi chúng sinh đều có Phật tính.”. Thánh Paul định nghĩa con người gồm ba phần : xác, hồn, thần… Sự tiến hoá là sự trở về với thượng đế, trở về với con người thật của mình, phát triển Phật tính của mình trọn vẹn, để giác ngộ. Danh từ tuy khác nhưng nội dung đều giống nhau, tôi cố gắng giải thích theo quan niệm mà người Âu có thể hiểu được, sự hợp nhất với thượng đế nghĩa là trở về với ngài vì chúng ta đều là một phần của ngài. Theo sự hiểu biết của tôi về luật tiến hoá, thì với con người, thể xác họ đã phát triển khá hoàn hảo, nhưng đa số vẫn chưa chủ trị được xác

thân. Một người tiến cao là người đã chủ trị được xác thân, đặt nó dưới sự kiểm soát của lý trí và linh hồn. Một người kém tiến hoá là người còn nhiều thú tánh, chỉ lo nghĩ đến các đòi hỏi của thể xác như ăn uống, ngủ nghê, dục tính. Chính vì thế, họ sẽ gặp nhiều đau khổ để học lấy sự chủ trị xác thân. Thế gian là một trường học mà trong đó, có yếu tố đau khổ. Sau khi chủ trị được xác thân , là việc kiềm chế thể vía. Thể vía hay tư tưỏong là điều rất khó kiểm soát, chinh phục. Ta thấy nhiều người tuy đã kiểm soát hành động của xác thân, nhưng vẫn còn để tư tưởng chạy lung tung như ngựa bất kham, không theo một đường hướng nào nhất định. Sự định trí, bắt tư tưỏong phải theo một đường lối suy nghĩ sẽ đưa ta đến sự kiểm soát thể vía. Sau

đó là sự kiểm soát thể trí, nghĩa là sử dụng trí tuệ để suy nghĩ, phân biệt, phá tan các tà kiến, các màng che phủ của vô minh. Định trí suy nghĩ là một việc, nhưng suy nghĩ chân chính, đứng đắn lại là một việc khác. Chỉ khi nào cả ba thể : xác, hồn, trí hoàn toàn được kiểm soát thì ta sẽ hoà hợp với Chân Ngã. Từ đó, phàm nhân và Chân nhân hoà hợp làm một, con người sẽ tiến hoá đến một giai đoạn mới, trở nên một bậc chân tiên. Khi đó, con người bước vào một đời sống trường cửu của tinh thần, đời sống của đấng “Christ”. Đó là một đời sống huy hoàng, tốt đẹp, vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, và không thể diễn tả bằng ngôn ngữ.

- Ông tin rằng tất cả đều tiến tới đời sống đó ?
- Dĩ nhiên, tiến hoá là một định luật vũ trụ và rồi

ai cũng sẽ phải đi trọn con đường đó. Ta có thể làm ác, ích kỷ, đi ngược dòng tiến hoá, nhưng làm thế ta chỉ làm chậm trễ sự tiến bộ của mình, nhưng không thể chận đứng được dòng tiến hoá của nhân loại. Vấn đề đặt ra là thời gian, con người có thể đi đến mục đích trong thời gian ngắn nhất hoặc dài nhất . Thí dụ như ta có thể bơi xuôi dòng, ngược dòng hay chơi vơi ở một chỗ, nhưng dòng nước vẫn chảy và dù muốn hay không trước sau gì ta cũng trôi từ nguồn đến biển cả. Sống thuận theo thiên ý là bơi xuôi dòng, nghịch thiên ý là ngược dòng. Đa số con người thường chơi vơi, không nhất quyết, lúc chìm đắm, khi nổi trôi, có lúc ngược dòng, có khi lại xuôi dòng vì chưa ý thức sáng suốt để nhận định con đường phải theo.

- Nhưng làm sao biết đường nào là đường phải theo ?
- Chính vì con người bơ vơ, lạc lối nên mới có các bậc Thánh nhân chỉ bảo hướng dẫn. Sự hiện diện của các bậc như đức Phật, Chúa, Krishna…và các vị giáo chủ khác là để hướng dẫn cho nhân loại. Tiếc thay, con người chỉ thích ai nói thuận ý mình, đúng với điều mình mong ước , chứ không thích những điều "đúng sự thật", không thích bị đánh thức…..
- Làm sao mình có thể biết được đâu là "đúng sự thật"?
- Con người có trí khôn, có óc phân biệt để làm gì ? Tại sao không chịu sử dụng chúng để lựa chọn một con đường tốt đẹp ?
- Ông muốn nói đến con đường đạo ? Làm sao ta

có thể bước vào cửa đạo ?
Đạo sĩ vuốt bộ râu mỉm cười :
- Có bốn nhân duyên đưa ta đến cửa đạo. Nhân duyên thứ nhất là gần gủi, tiếp xúc, thân cận với những bậc thiện tri thức, những người đang đi trên đường đạo. Thí dụ như trong một tiền kiếp ta có dịp tiếp xúc với một vị đạo sư, giám mục, một người bề trên có kinh nghiệm tâm linh sâu xa. Chúng ta hết sức khâm phục và thiết tha mong rằng ta sẽ có các kinh nghiệm như vậy. Một hoài bão như thế chắc chắn sẽ giúp ta gặp đạo trong kiếp su. Nhân duyên thứ hai là nghiên cứu sách vở, nghe giảng giải về đạo lý. Càng ham nghiên cứu ta càng muốn tìm hiểu và đi sâu vào đạo nhiều hơn, và dĩ nhiên khi hiểu biết , ta sẽ thay đổi đời sống để cho nó có ý nghĩa hơn và đó

là bước chân vào đường đạo. Nhân duyên thứ ba là sự mở mang trí tuệ, vì một lý do nào đó, ta nhận thức những việc xảy ra rồi phân vân, đặt câu hỏi tại sao nó lại xảy ra như vậy? Từ sự hoài nghi ta suy gẫm, quan sát, học hỏi bằng sức mạnh của tư tưởng và có thể khám phá ra chìa khoá mầu nhiệm, các nguyên tắc đạo lý. Đây là con đường tu Thiền Định mà các ông đã nghe nói đến. Nhân duyên thứ tư là sự trau dồi hạnh kiểm, tu thân, làm các việc thiện, mở rộng lòng bác ái, quên mình để giúp đỡ mọi người và dần dần ánh sáng tâm linh sẽ soi sáng hồn ta.

- Xin ông cho biết thêm về các bậc siêu nhân mà ông đã từng tiếp xúc.

Bakhir mỉm cười, vuốt nhẹ chùm râu bạc :

- Tôi đã gặp nhiều đạo sư có quyền năng siêu

việt, có vị đã sống nhiều thế kỷ và đạt quả vị rất cao. Điều đặc biệt là các ngài xét mọi sự vật với một quan niệm khác hẳn chúng ta vì trong tư tưởng các ngài không còn một chút ích kỷ như đa số chúng ta. Các ngài đã loại trừ bản ngã thấp hèn, không còn sống cho mình mà cho tất cả. Ngoài đặc tính đó, các ngài còn phát triển hoàn toàn về mọi phương diện. Đa số chúng ta đều bất toàn, không mấy ai đạt đến trình độ cao tột. Ngay cả các nhà thông thái, bác học cũng chỉ đạt đến trình độ cao tột trên một phương diện nào đó thôi, và còn nhiều khía cạnh khác chưa được hoàn hảo. Chúng ta đều có mầm mống của mọi đặc tính, nhưng chỉ một vài phần thức động và phát triển không đồng đều. Các bậc siêu nhân là người đã phát triển toàn vẹn mọi đặc tính trên

phương diện ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Phần lớn các vị siêu nhân đều có hình dáng bề ngoài tốt đẹp. Xác thân các ngài đều hoàn toàn về mọi phương diện và ít chịu ảnh hưởng của thời gian, có vị đã sống nhiều thế kỷ mà trông vẫn khoẻ mạnh như một người ngũ tuần. Tôi đã gặp một vị đạo sư sống hơn 2000 năm nay, ngài cai quản một viện cổ tàng trong lòng núi. Viện cổ tàng này chứa đựng rất nhiều tài liệu dồi dào, phong phú dường như để ghi lại dấu tích toàn thể lịch sử tiến hoá của nhân loại. Trong đó có chứa đựng các hình thể của nhiều giống người đã sống trên mặt địa cầu, từ giống dân Lemurian đến các loài người khổng lồ từ thời xa xưa. Có các mô hình diễn tả sự biến đổi của lớp vỏ địa cầu sau các thiên tai, cũng như sự di chuyển của

các giống dân trên các lục địa. Có các bản thảo bút tự rất cổ của các bậc đạo sư, giáo chủ, như có một bản viết của chính đức Phật khi ngài còn là thái tử Siddharta. Có các ngăn tủ bằng gỗ lim kiên cố chứa các tài liệu giáo lý nhiệm mầu, có thứ viết bằng các văn tự lạ lùng của những nền văn minh đã biến mất từ lâu. Ngoài ra còn có các bản đồ, mô hình các thành phố cổ xưa của quá khứ cũng như các di tích động vật rất cổ xưa….

Giaó sư Mortimer lên tiếng :

- Ông có nhớ chỗ đó không ? Làm sao có thể đến nơi đó được ?

Đạo sĩ nghiêm nghị :

- Dãy Hy Mã Lạp Sơn không phải nơi ai muốn đi, muốn đến dễ dàng được vì nó chứa đựng nhiều bí mật huyền bí và có các tinh linh canh giữ, phải

có một nhân duyên lớn mới có thể đến các thánh địa đó được.

- Nhưng tại sao các bậc siêu nhân lại cứ ẩn lánh, không ra mặt giúp đỡ nhân loại, không công bố các tài liệu mầu nhiệm đó cho mọi người ? Cất dấu như thế có lợi gì đâu ?

- Các ngài lúc nào cũng giúp đỡ nhân loại bằng cách ban rải các luồng thần lực xuống trần gian để muôn loài có thể hưởng thụ chả khác nào ánh sáng mặt trời đối với cây cỏ. Sự giúp đỡ của các ngài hết sức rộng lớn, ngoài sự tưởng tượng và tầm hiểu biết của con người. Việc công bố hay cất dấu các tài liệu đều có lý do mà ta không thể nghĩ bàn được…

- Theo thuyết tiến hoá ông vừa trình bày, thì trên con người còn có một đời sống siêu nhân,

và như thế hẳn còn các bậc cao cấp nữa ?

Bakhir bật cười một hồi rồi mới trả lời :

- Các ông vẫn còn quan niệm cấp bậc, hơn kém, chức tước….Một khi đã giải thoát khỏi luân hồi, sinh tử trở nên một bậc chân tiên (Asekha) thì thánh đạo chia ra làm bảy con đườong cho các ngài chọn lựa. Dĩ nhiên, sự hiểu biết của tôi còn nông cạn và thiếu sót nên tôi chỉ cóthể cắt nghĩa một cách sơ lược. Các ngài có thể bước vào những cảnh giới vượt xa tầm hiểu biết của chúng ta, các cảnh giới này có tên gọi như : Niết bàn , thượng thiên, phi tưởng phi phi tưởng xứ …Sau khi bước vào các cõi này, một ngày nào đó các ngài sẽ chuyển kiếp xuống trần trong bầu thế giới tương lai như một bậc giáo chủ. Đây là con đường Dharmakaya. Các ngài có thể bước

vào trạng thái tâm linh với một ý nghĩa huyền bí mà tôi không biết rõ, đây là con đường Sambhogakya. Các ngài có thể hoà hợp với kho thần lực vũ trụ để làm các công việc hợp với định luật vũ trụ, đây là con đường Nirmanakya. Các ngài có thể ở lại thế gian, giúp đỡ nhân loại, dưới hình thức một vị Bồ tát đây là con đường Bồ Tát Đạo (Boshivartakya). Ngòai những con đường khác ra sao tôi không được biết rõ. Theo sự hiểu biết của tôi thì số người giải thoát đã ít mà số người ở lại để giúp đỡ thế gian còn ít hơn. Hiện nay, tất cả đang chuẩn bị cho một vận hội mới, đó là sự lâm phàm của một đức chưởng giáo tương lai mà danh từ chính xác nhất gọi là Di Lặc Bồ Tát.

Bakhir im lặng một hồi rồi tuyên bố :

- Một ngày nào đó các ông sẽ hiểu biết rõ hơn điều tôi muốn nói. Thật ra các điều này đã được tiên đoán từ lâu và lưu trữ trong một viện cổ tàng ngầm dưới lòng núi xứ Tây Tạng. Các tài liệu này được các đức Lạt Ma giữ gìn rất cẩn thận.

- Làm sao chúng tôi có thể xem các tài liệu vô giá đó. Xứ Tây Tạng vẫn còn chính sách bế môn toả cảng, không giao tiếp với bên ngoài, nhất là với người da trắng.

Bakhir mỉm cười bí mật :

- Này các ông bạn, tôi chỉ có thể nói như thế này thôi. Sự hiện diện của các ông tại xứ Ấn độ không phải một việc ngẫu nhiên. Các ông tốn suốt mấy năm đi sưu tầm chân lý mà có thấy gì đâu, có đúng không ? Đó chẳng qua chỉ là một

thử thách mà thôi. Các ông không thấy chỉ một thời gian ngắn mà các ông đã tiếp xúc với các đạo sư minh triết nổi tiếng nhất Ấn độ và được tiết lộ những điều chưa từng công bố cho một người Âu nào? Nếu không có thông điệp của một vị Chân Sư thì làm sao các ông gặp được những người mà ngay cả tín đồ thùân hành nhất xứ Ấn cũng không dễ gì gặp được. Trong một xã hội đầy dị đoan, mê tín, hình bóng chân lý gần như phai mờ, người dân xứ này muốn còn phải mất công, thế mà các ông được chỉ dẫn những điều vô giá một cách dễ dàng. Có bao giờ các ông tự hỏi tại sao không ? Một người Âu chả bao giờ chịu ngồi chung chiếu với người Ấn, vì hệ thống dị biệt, nhưng các ông đã gác bỏ thành kiến đó, dẹp bỏ tự hào dân tộc để ngồi cạnh những đạo

sư rách rưới, đó là một cố gắng không nhỏ. Các ông đã vạch qua rừng người mê tín, các đạo sĩ giả mạo, bịp bợm, các tu sĩ không chân chính để tìm gặp những người đáng gặp gỡ và chăm chú nghe dạy bảo. Đó không phải là việc dễ dàng, có thể các ông không biết, nhưng các ông đã vượt qua những thử thách phi thường. Tây tạng không bao giờ đón nhận một du khách bên ngoài, nhưng với các ông sẽ là một ngoại lệ, vì các ông được che chở bởi một vị chân sư. Các ông sẽ lãnh một sứ mạng lớn là kêu gọi thế giới bên ngoài hãy quay về phương đông, với quê hương tinh thần của họ. Quay về không phải để tìm kiếm một chân lý mới, một tôn giáo mới hay một kiến thức gì mới lạ. Nhưng để hiểu biết rằng chân lý luôn luôn ẩn tàng khắp nơi, tôn giáo chỉ

là những con đườong khác nhau đưa đến chân lý.

Toàn thể phái đoàn yên lặng nhìn nhau, quả thế chỉ một thời gian ngắn họ đã gặp biết bao đạo sư, được chỉ dạy những chân lý quý báu. Đó không phải một may mắn tình cờ mà như có sự sắp đặt trước.

- Ông biết ràng có một vị chân sư muốn giúp đỡ chúng tôi ?

- Đúng thế! Tôi biết rõ chuyện này nên các ông mới có thể gặp tôi hôm nay. Tôi biết các ông đang khao khát sự hiểu biết, thật ra một số trong các ông đã từng học đạo từ tiền kiếp, nay trở lại Ấn độ dưới bộ da người ngoại quốc. Tuy nhiên , các ông không nhớ những điều đã học. Nhưng khi nhân duyên đến, các ông sẽ phục hồi

ký ức. Định mạng đã dẫn dắt các ông trở lại Á châu để hoàn tất một sứ mạng cao cả….

Toàn thể mọi người ngạc nhiên và xúc động vô cùng. Lòng ao ước gặp vị chân sư bí mật gia tăng. Giáo sư Mortimer cố gắng thốt lên vài câu :

- Nhưng đến bao giờ chúng tôi mới có thể gặp ngài ?

- Thời gian không còn lâu nữa, đến khi đó các ông sẽ biết. Tôi chỉ có thể nói đến đây thôi.

Phái đoàn im lặng hồi lâu, sau cùng giáo sư Wentz lên tiếng :

- Chúng tôi nghe nói ông biết thuật khinh công ?

Đạo sĩ bật cười :

- Điều này đâu có gì lạ. Chỉ là một phương tiện di chuyển tầm thường, nhỏ mọn mà thôi.

- Nhưng điều này phản khoa học, làm sao có thể

chứng minh được ?
Bakhir mỉm cười gõ nhẹ lên chiếc gậy trúc, bất ngờ thân hình ông ta nhấc bổng lên không trung như có một sợi dây vô hình kéo lên. Ông ta vẫn ngồi yên trong tư thế liên hoa không cử động. Toàn thể mọi người sửng sốt, tuy họ đã chứng kiến nhiều phép lạ nhưng sự kiện bay bổng lên không trung là một điều lạ lùng, ngoài sự tưởng tượng . Đạo sĩ bỗng xoay mình , thân thể ông bỗng như một cơn lốc bay vọt ra xa với một tốc độ rất nhanh, chỉ trong chớp mắt ông đã xa cách phái đoàn đến mấy chục thước.
Đạo sĩ nói vọng lại :
- Này các ông, tại sao con người lại phải bò lết trên mặt đất? Nếu loài người có quyền năng hơn loài thú thì y phải bay cao hơn chim, lội nhanh

hơn cá chứ ? Tại sao y không làm được như vậy? Phải chăng đó là quan niệm duy vật về bản chất của mình ? Tư tưởng y chỉ nghĩ rằng mình chỉ có thể đi được mà thôi. Tùy cảm nghĩ mà con người bị giới hạn hay không giới hạn, tự do hay nô lệ. Nếu biết rõ mình và phát triển khả năng của mình một cách đứng đắn, họ có thể làm hầu như mọi chuyện.

Đạo sĩ lao mình vùn vụt trên con đường đất ngoằn ngoèo, chỉ mấy phút ông đã mất hút chỉ để lại phía sau một đám bụi mờ. Tất cả mọi người xúc động, không ai nói nên lời, giáo sư Mortimer cầm máy ảnh nhưng không sao chụp được.

hết: Chương VIII, xem tiếp: Chương IX

Chương IX

Cõi vô hình

Hamud là một pháp sư có kiến thức rất rộng về cõi vô hình. Khác với những đạo sĩ phái đoàn đã gặp, ông này không phải người Ấn mà là một người Ai cập. Ông ta sống một mình trong căn nhà nhỏ, xây dựa vào vách núi. Hamud không hề tiếp khách, nhưng trước sự giới thiệu của bác sĩ Kavir, ông bằng lòng tiếp phái đoàn trong một thời gian ngắn. Vị pháp sư có khuôn mặt gầy gò, khắc khổ và một thân hình mảnh khảnh. Ông ta khoác áo choàng rộng và quấn khăn theo kiểu Ai cập.

Giaó sư Evans-Wentz vào đề :
- Chúng tôi được biết ông chuyên nghiên cứu các hiện tượng huyền bí…
Pháp sư thản nhiên :
- Đúng thế, tôi chuyên nghiên cứu về cõi vô hình.
- Như thế ông tin rằng có ma…
Vị pháp sư nói bằng một giọng chắc chắn, quả quyết :
- Đó là một sự thật không những ma quỷ hiện hữu mà chúng còn là đối tượng nghiên cứu của tôi.
- Bằng cớ nào ông tin rằng ma quỷ có thật ?
- Khắp nơi trên thế giới đều có các giai thoại về ma, vì con người thường sợ hãi cái gì mà họ không thể nhận thức bằng các giác quan thông thường nên họ đã phủ nhận nó. Sự phủ nhận

này mang đến niềm sợ hãi. Từ đó họ thêu dệt các giai thoại rùng rợn, ly kỳ, không đúng sự thật. Nếu chúng ta chấp nhận ma quỷ hiện hữu như một con voi hay con ngựa thì có lẽ ta sẽ không còn sợ hãi. Các ông đòi hỏi một chứng minh cụ thể chăng ?

- Dĩ nhiên, chúng tôi cần một bằng chứng hiển nhiên ...

- Được lắm, các ông hãy nhìn đây.

Vị pháp sư mở ngăn kéo lấy ra một cặp que đan áo, một bó len và mang ra góc phòng để xuống đất. Ông ta thong thả :

- Chúng ta tiếp tục nói chuyện, rồi các ông sẽ thấy.

Mọi người ngơ ngác, không hiểu ông muốn nói gì, giáo sư Mortimer nóng nảy :

- Nếu ông nghiên cứu về cõi vô hình, xin ông giải thích về quan niệm thiên đàng, địa ngục cũng như đời sống sau khi chết ra sao ?

Vị pháp sư nghiêm giọng :

- Đó là một quan niệm không đúng, sự chết chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp chứ không phải là hết. Vũ trụ có rất nhiều cõi giới, chứ không phải chỉ có một cõi này.

- Khi chết ta bước qua cõi trung giới và cõi này gồm có bảy cảnh khác nhau. Mỗi cảnh được cấu tạo bằng những nguyên tử rất thanh mà ta gọi là "dĩ thái". Tuỳ theo sự rung động khác nhau mà mỗi cảnh giới một khác. Tuỳ theo vía con người có sự rung động thanh cao hay chậm đặc, mà mỗi người thích hợp với một cảnh giới, đây là hiện tượng "đồng thanh tương ứng" mà thôi. Khi

vừa chết, thể chất cấu tạo cái vía được sắp xếp lại, lớp thanh nhẹ nằm trong và lớp nặng trọc bọc phía ngoài, điều này cũng giống như một người mặc nhiều áo khác nhau vào mùa lạnh, áo lót mặc ở trong, áo choàng dầy khoác ngoài. Vì lớp vỏ bọc bên ngoài cấu tạo bằng nguyên tử rung động chậm và nặng nề, nó thích hợp với các cảnh giới tương ứng ở cõi âm, và con người sẽ đến với cảnh giới này. Sau khi ở đây một thời gian, lớp vỏ bao bọc bên ngoài dần dần tan rã giống như con người trút bỏ áo khoác bên ngoài ra, tuỳ theo các lớp nguyên tử bên trong mà họ thích ứng với một cảnh giới khác. Cứ như thế, theo thời gian, khi các áp lực vật chất tan rã hết thì con người tuần tự tiến lên những cảnh giới cao hơn. Điều này cũng giống như một quả bóng

bay bị cột vào đó những bao cát; mỗi lần cởi bỏ được một bao thì quả bóng lại bay cao hơn một chút cho đến khi không còn bao cát nào, thì nó sẽ tự do bay bổng. Trong bảy cảnh giới của cõi âm, thì cảnh thứ bảy có rung động nặng nề, âm u nhất, nó là nơi chứa các vong linh bất hảo, những kẻ sát nhân, người mổ sẻ súc vật, những cặn bả xã hội, những kẻ tư tưởng xấu xa, còn đầy thú tánh. Vì ở cõi âm, không có thể xác, hình dáng thường biến đổi theo tư tưởng nên những kẻ thú tánh mạnh mẽ thường mang các hình dáng rất ghê rợn, nửa người, nửa thú. Những người thiếu kiến thức rõ rệt về cõi này cho rằng đó là những quỷ sứ. Điều này cũng không sai sự thật bao nhiêu vì đa số những vong linh này luôn oán hận, ham muốn, thù hằng và thường

tìm cách trở về cõi trần. Tuỳ theo dục vọng riêng tư mà chúng tụ tập quanh các nơi thích ứng, dĩ nhiên người cõi trần không nhìn thấy chúng được. Những loài ma đói khát quanh quẩn bên các chốn trà đình tửu quán, các nơi mổ sẻ thú vật để tìm những rung động theo những khoái lạc vật chất tại đây. Khi một người ăn uống ngon lành họ có các rung động, khoái lạc và loài mà tìm cách hưởng thụ theo tư tưởng này. Đôi khi chúng cũng tìm cách ảnh hưởng, xúi dục con người nếu họ có tinh thần yếu đuối, non nớt. Những loài ma dục tình thì quanh quẩn nơi buôn hương bán phấn, rung động theo những khoái lạc của người chốn đó, và tìm cách ảnh hưởng họ. Nếu người sống sử dụng rượu, các chất kích thích thì ngay trong giây phút mà họ

không còn tự chủ được nữa, các loài ma tìm cách nhập vào trong thoáng giây để hưởng một chút khoái lạc vật chất dư thừa. Vì không được thoả mãn nên theo thời gian các dục vọng cũng giảm dần, các nguyên tử nặng trọc cũng tan theo, vong linh sẽ có các rung động thích hợp với một cảnh giới cao hơn và y sẽ thăng lên cõi giới tương ứng. Dĩ nhiên, một người có đời sống trong sạch, tinh khiết sẽ không lưu ở cõi này, mà thức tỉnh ở một cõi giới tương ứng khác. Tuỳ theo lối sống, tư tưởng khi ta còn ở cõi trần mà khi chết ta sẽ đến những cảnh giới tương đồng, đây chính là định luật "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu".

Toàn thể phái đoàn im lặng nhìn nhau, vị pháp sư Ai cập đã diễn tả bằng những danh từ hết sức

khoa học, chính xác, chứ không mơ hồ, viễn vông. Dù sao đây vẫn là một lý thuyết rất hay, nhưng chưa chứng minh được. Có thể đó là một giả thuyết của những dân tộc nhiều tưởng tượng như người Á châu chăng ?

Hamud mỉm cười như đọc được tư tưởng mọi người :

- Nếu các ông biết rằng tôi cũng là một tiến sĩ vật lý học tốt nghiệp đại học Oxford…

Giáo sư Harding giật mình kêu lên :

- Oxford ư ? Ông đã từng du học bên xứ chúng tôi sao ?

- Chính thế, tôi tốt nghiệp năm 1864, và là người Ai cập đầu tiên tốt nghiệp về ngành này.

(Ghi chú của giáo sư Spalding : Phái đoàn đã phối kiểm chi tiết này và hồ sơ đại học Oxford

ghi nhận có một tiến sĩ người Ai cập tên là Hamud El Sarim nhập học năm 1856 và tốt nghiệp năm 1864 với bằng Tiến sĩ Vật lý).

- Nhưng làm sao ông biết rõ được cõi giới này ? Ông đã đọc sách vở hay dựa trên những bằng chứng ở đâu ?

- Tôi đã khai mở các giác quan thể vía, nhờ công phu tu hành trong nhiều năm. Ngay khi còn là sinh viên tôi đã say mê môn Vật lý siêu hình (metaphysics). Tôi dành nhiều thời giờ nghiên cứu sách vở khoa học, nhưng đến một lúc thì khoa học phải bó tay. Sự nghiên cứu dẫn dắt tôi đến với Khoa Huyền Bí học. Tôi học hỏi rất kỹ về môn này, khi trở về Ai cập tôi may mắn gặp được các vị đạo sư uyên b ác, nên sự nghiên cứu càng ngày càng tiến bộ. Sự nghiên cứu dẫn dắt

tôi sang Ấn độ, và Tây Tạng. Tại đây tôi gặp một Lạt Ma chuyên nghiên cứu về cõi âm, tôi đã học hỏi rất nhiều với vị này. Sau đó, tôi tu nhập thất trong 10 năm liền, và khai mở được một vài giác quan đặc biệt. Từ đó, tôi tha hồ nghiên cứu cõi âm vì tôi có thể sang tận đây học hỏi và cõi này trở nên quen thuộc, tôi kết bạn với rất nhiều sinh vật siêu hình, chúng giúp đỡ tôi rất nhiều.

Giáo sư Evans- Wentz ngập ngừng :

- Ông muốn nói rằng ông kết bạn với ma ?

- Dĩ nhiên, vì tôi dành trọn thời giờ hoạt động bên cõi này, nên tôi có rất đông bạn bè, phần lón là vong linh người quá cố nhưng cũng có một vài sinh vật có đường tiến hoá riêng, khác với loài người, có loài khôn hơn người và có loại không thông minh hơn loài vật là bao…

- Giao thiệp với chúng có lợi ích gì không ?
- Các ông nên biết cõi âm là một thế giới lạ lùng, phức tạp với những luật thiên nhiên khác hẳn cõi trần. Sự đi lại giao thiệp giúp ta thêm kiến thức rõ ràng…..
- Như thế có nguy hiểm không?
- Dĩ nhiên, có nhiều sinh vật hay vong linh hung ác, dữ tợn…Một số thầy phù thuỷ, thường liên lạc với nhóm này để mưu cầu lợi lộc, chữa bệnh hoặc thư phù, nguyền rủa….
- Ông có thể làm như vậy không ?
Vị pháp sư nghiêm mặt :
- Tất cả những việc gì có tính cách phản thiên nhiên, ngược luật tạo hoá đều mang lại hậu quả không tốt. Mưu cầu lợi lộc cho cá nhân là điều tối kỵ của ai đi trên đường đạo. Tôi không giao

thiệp với những loại vong linh này, vì chúng rất nguy hiểm, hay phản phúc và thường giết chết kẻ lợi dụng chúng bất cứ lúc nào. Các ông nên nhớ tôi là một khoa học gia chứ không phải một thầy pháp hạ cấp hay một phù thuỷ chữa bệnh.

- Xin ông nói rõ hơn về những cảnh giới cõi âm.

- Các ông nên biết dù ở cõi nào, tất cả cũng không ra ngoài các định luật khoa học. Thí dụ như vật chất có ba thể : thể lỏng, thể đặc và thể hơi, thì bên cõi này cũng có những thể tương tự. Luật thiên nhiên cho thấyvật nặng sẽ chìm xuống dưới và vật nhẹ nổi lên trên thì cõi vô hình cũng thế. Nguyên tử cõi âm rung động với một nhịp độ khác với cõi trần, các nguyên tử rung động thật nhanh dĩ nhiên phải nhẹ hơn các nguyên tử nặng trược. Tóm lại, tuỳ theo nhịp độ

rung động mà tạo ra những cảnh giới khác nhau, có bảy loại rung động nên có bảy cõi giới. Các nguyên tử rung động chậm chạp phải chìm xuống dưới vì nếu ta mang nó lên cao, sức ép sẽ làm nó tan vỡ ngay. Thí dụ ta đặt một quả bóng xuống nước nếu đến một độ sâu nào đó sức ép của nước sẽ làm nó vỡ tan. Loài cá cũng thế, có loại sống gần mặt nước, có loại sống tận đáy đại dương. Nếu loại sống gần mặt biển bị mang xuống đáy nó sẽ bị sức ép mà chết, ngược lại nếu loài sống ở dưới đáycũng không thể lên sát mặt nước vì đã quen với sức ép khác nhau. Cảnh giới thứ bảy lúc nào cũng tối tăm, nặng nề với các vong linh hình dáng ghê rợn, nhưng hoàn toàn không có vụ quỷ sứ tra tấn tội nhân. Bị lưu đày ở đây đã là khổ sở lắm rồi, các ông hãy

tưởng tượng bị dụcvọng hành hạ mà không thể thoả mãn thì còn khổ gấp trăm lần bị tra tấn. Vong linh thèm muốn nhưng không so thoả mãn được, như đói mà không thể ăn, khát không thể uống. Do đó, theo thời gian y sẽ học bài học chịu đựng, nhẫn nhục cho đến khi dục vọng giảm bớt và tan ra thì y sẽ thăng lên cảnh giới thứ sáu. Cõi giới thứ sáu, có sự rung động rất giống như cõi trần, tại đây các vong linh ít còn thèm muốn vật chất như ăn uống, dục tình, nhưng bận tâm với những nhỏ nhen của cuộc sống như thoả mãn bản ngã, ích kỷ, ghen tuông, hờn giận, v…v… Đa số có hình dáng giống như người cõi trần, nhưng lờ mờ không rõ. Vì sự rung động của nguyên tử gần giống như cõi trần nên họ hay trở về cõi này, họ thường nhập vào đồng cốt, các buổi cầu

cơ, cầu hồn để chỉ dẫn bậy bạ, nói chuyên vu vơ nhằm thoả mãn tự ái, bản ngã cá nhân. Vì đa số vong linh khi còn sống rất ham mê danh vọng, chức tước, uy quyền nên khi họ nhập vào đồng cốt, họ thường tự xưng là các đấng này, đấng nọ. Theo thời gian, các rung động ham muốn, các cố chấp về bản ngã, danh vọng cũng tan biến nên họ thăng lên cảnh giới thứ năm. Cõi thứ năm có sự rung động thanh nhẹ hơn cõi trần nên vong linh có thể biến đổi sắc tướng rất nhanh chóng. Đây là một thế giới với những âm thanh màu sắc lạ lùng dễ bị mê hoặc. Các vong linh ở đây đã bớt ham muốn về cá nhân, nhưng còn ham muốn về tư tưởng, kiến thức. Đây là nơi cư ngụ của những kẻ đạo đức giả, những kẻ bảo thủ nhiều thành kiến, những người trí thức tự phụ, v…v…

Đây cũng là cõi có những sinh hoạt của loài Tinh linh. Loài Tinh linh là những sinh vật vô hình có hình dáng hao hao giống như người mà ta thường gọi là Thiên tinh (sylphs), Thổ địa (gnome), Phong tinh (elves), v…v… Một số bị thu phục bởi các phù thuỷ, pháp sư để làm ảo thuật hay luyện phép. Cõi này còn có sự hiện diện của những “hình tư tưởng”. Các ông nên biết, khi một tư tưởng hay dục vọng phát sinh thì chúng sử dụng tinh chất cõi này tạo nên một hình tư tưởng thích hợp. Đời sống của chúng tuỳ theo sức mạnh của tư tưởng mạnh hay yếu. Vì đa số tư tưởng con người còn mơ hồ nên hình tư tưởng chỉ tạo ra ít lâu là tan rã ngay. Một người tập trung tư tưởng có thể tạo ra một hình tư tưởng sống lâu trong vài giờ hay vài ngày. Một

pháp sư cao tay có thể tạo ra các hình tư tưởng sống đến cả năm hay cả thế kỷ, không những thế hình tư tưởng này còn chịu sự sai khiến của ông ta. Các phù thuỷ luyện thần thông đều dựa trên nguyên tắc cấu tạo một sinh vật vô hình để sai khiến. Hình tư tưởng không chỉ phát sinh từ một cá nhân mà còn từ một nhóm người hay một quốc gia, dân tộc. Khi một đoàn thể, dân tộc cùng một ý nghĩ, họ sẽ tạo ra một hình tư tưởng của đoàn thể, quốc gia đó. Hình tư tưởng này sẽ tạo một ảnh hưởng vô cùng rộng lớn đối với tình cảm,phong tục, thành kiến của quốc gia, dân tộc. Ta có thể gọi đó là “Hồn thiêng sông núi” hay “dân tộc tính”. Khi sinh ra tại một quốc gia, ta ít nhiều chịu ảnh hưởng của hình tư tưởng này, dĩ nhiên chúng chỉ ảnh hưởng lên thể

vía, nghĩa là tình cảm của dân tộc đó, chứ không ảnh hưởng đến lý trí. Một người sống nhiều bằng lý trí sẽ ít chịu ảnh hưởng như người bình thường. Điều này giải thích tại sao một dân tộc có tâm hồn mơ mộng như thi sĩ khi dân tộc khác lại có đầu óc thực tế mặc dù trên phương diện địa lý, họ không ở cách xa nhau mấy và ít nhiều chia sẻ một số quan niệm về tôn giáo, phong tục, tập quán. Cảnh giới cõi thứ tư sáng sủa hơn và dĩ nhiên nguyên tử cõi này rung động rất nhanh. Phần lớn những vong linh tiến hoá, thánh thiện, những nhà trí thức trầm mặc nhưng còn quyến luyến một ít dục vọng khi chết đều thức tỉnh ở cảnh giới này. Đa số đều ý thức ít nhiều, nên họ bắt đầu cởi bỏ những ham muốn, quyến luyến. Đây cũng là chỗ họ học hỏi và ảnh hưởong lẫn

nhau, và đôi khi kêt những liên hệ để cùng nhau tái sinh trong một gia đình hay quốc gia. Cõi giới thứ ba chói sáng, có những rung độgn nhẹ nhàng. Tại đâu có những linh hồn từ tâm nhưng vụng về, những tu sĩ thành tâm nhưng thiếu trí tuệ, những nhà lãnh đạo anh minh nhưng thành kiến. Đây cũng là một cảnh giới của một số thần linh (devas) như Cảm-dục thiên thần (Kamadeva), Hữu sắc thiên thần (Rupadeva), và Vô sắc thiên thần (Arupadeva). Các thần linh này có đời sống và tiến hoá cao hơn trình độ của nhân loại. Cõi giới thứ hai và thứ nhất cấu tạo bằng những nguyên tử hết sức thanh thoát, rung động rất nhanh và tràn đầy ánh sáng. Đây là cõi giới mà những người tiến hoá rất cao, rất tệ nhị không còn dục vọng, ham muốn, lưu lại để học

hỏi, trao đổi kinh nhigệm, phát triển ccác đức tính riêng trước khi siêu thoát len cảnh giới cao hơn.

- Như thế người chết thường lưu lại ở cõi Trung giới bao nhiêu lâu ?

- Thời gian lưu lại đây hoàn toàn tuỳ thuộc vào dục vọng con người, có người chỉ ghé lại đây vài giờ, lập tức đầu thai trở lại. Có kẻ ở đây hàng năm và có kẻ lưu lại đây hàng thế kỷ… Để siêu thoát, thể vía phải hoàn toàn tan rã hết thì mới lên đến cõi Thượng thiên hay siêu thoát. Tóm lại danh từ như thiên đàng hay địa ngục chỉ là những biểu tượng của những cảnh ở cõi Trung giới (Kamaloka). Tuỳ theo sự sắp xếp của thể vía khi chết, mà ta thức tỉnh ở một cảnh giới tương ứng.

Mọi người yên lặng nhìn nhau, những điều Hamud giải thích hoàn toàn hợp lý và hết sức khoa học, không hoang đường chút nào. Nhưng làm sao chứng minh những điều mà khoa học thực nghiệm không thể nhìn thấy được ? Dù sao Hamud cũng là một Tiến sĩ Vật lý tốt nghiệp đại học nổi tiếng nhất Âu châu chứ không phải một phù thuỷ vô học chốn hoang vu, ít nhiều ông ta cũng có một tinh thần khách quan vô tư của một khoa học gia chứ không mê tín dễ chấp nhận một lý thuyết vu vơ, không kiểm chứng. Nhưng làm sao có thể thuyết phục những người Âu Mỹ vốn rất tự hào, nhiều thành kiến và tin tưởng tuyệt đối ở khoa học /

Hamud mỉm cười tiếp tục :

- Sự hiểu biết về cõi vô hình rất quan trọng, vì

khi hiểu rõ những điều xảy ra sau khi chết, ta sẽ không sợ chết nữa. Nếu có chết chỉ là hình hài, xác thân chứ không phải sự sống, và hình hài có chết đi, thì sự sống mới tiếp tục tiến hoá ở một thể khác tinh vi hơn. Đây là một vấn đề hết sức hợp lý và khoa học cho ta thấy rõ sự công bình của vũ trụ. Khi còn sống, con người có dục vọng này nọ, khi dục vọng được thoả mãn, nó sẽ gia tăng mạnh mẽ, đồng thời các chất thô kệch, các rung động nặng nề sẽ bị thu hút vào thể vía. Sau khi chết, dục vọng này trở nên mạnh mẽ vì không còn lý trí kiểm soát nữa, chính thế nó sẽ đốt cháy con người của ta. Sự nung đốt của dục vọng chẳng phải địa ngục là gì ? Giống như đức tính, phẩm hạnh khi còn trẻ, quyết định điều kiện sinh sống lúc tuổi già, đời sống cõi trần

quyết định đời sống bên kia cửa tử. Luật này hết sức hợp lý và dễ chứng minh. Khi còn trẻ ta tập thể thao, giữ thân thể khoẻ mạnh, thì khi về già ta sẽ ít bệnh tật, khi còn trẻ ta chịu khó học hỏi, có một nghề nghiệp vững chắc thì khi về già đời sống được bảo đảm hơn, có đúng thế không ? Những người nào chế ngự được dục vọng thấp hèn, làm chủ được đòi hỏi thể xác, thì các dục vọng này không thể hành hạ khi ta chết. Luật thiên nhiên định rằng khi về già thể xác yếu dần, đau ốm, khiến cho ta bớt đi các ham muốn và nhờ thế, dục vọng cũng giảm bớt rất nhiều nên thể vía cũng thanh lọc bớt các chất nặng nề, ô trượt để khi chết, sẽ thức tỉnh ở cảnh giới cao thượng hơn. Trái lại những người còn trẻ, lòng ham muốn còn mạnh mẽ, nếu chết bất đắc kỳ tử

thường đau khổ rất nhiều và phải lưu lại cõi Trung giới lâu hơn. Nếu hiểu biết như thế, ta cần phải duyệt xét lại đời sống của mình ở cõi trần để khỏi lưu lại những cảnh giới thấp thỏi, nặng nề bên cõi âm. Những người lớn tuổi cần chuẩn bị để dứt bỏ các quyến luyến, ràng buộc, các lo lắng ưu phiền, các tranh chấp, giận hờn, phải biết xả ly, dứt bỏ mọi phiền não để mau chóng siêu thoát. Một sự chuẩn bị ở cõi trần sẽ rút ngắn thời gian bên cõi âm và chóng thúc đẩy thời gian lên cõi giới cao hơn.

- Nhưng còn các ma quỷ thì sao ?

- Các ông cứ cho rằng ma quỷ là một thực thể thế nào đó, khác hẳn loài người. Thật ra phần lớn chúng là những vong linh sống ở cảnh giới thứ bảy, thứ sáu mà thôi. Chúng còn lưu luyến

cõi trần, còn say mê dục vọng không sao thoát ra khỏi cảnh giới này… Luật thiên nhiên không cho phép chúng trở lại cõi trần, nhưng cũng có những trường hợp đặc biệt, khiến người cõi trần trong một thoáng giây có thể nhìn thấy chúng…Khoan đã, các ông hãy xem kìa, người bạn của tôi đã làm xong việc.
Hamud chỉ vào góc phòng nơi ông ta để bó len và cây kim đan áo. Mọi người bước đến gần và thấy một chiếc áo len đan bằng tay đã thành hình từ lúc nào không ai rõ. Chiếc áo đan tay rất vụng, không khéo léo nhưng trên ngực có thêu tên giáo sư Mortimer. Vị pháp sư giải thích :
- Con ma này rất nghịch, và thường quanh quẩn ở đây. Tôi yêu cầu hắn đan chiếc áo len cho các ông để làm bằng chứng. Để tránh việc các ông

cho rằng tôi làm trò ảo thuật, tráo vào đó một chiếc áo len khá,c tôi yêu cầu hắn thêu tên người nào trong phái đoàn có nhiều nghi ngờ nhất. Các ông đều biết rằng từ khi gặp gỡ tôi không hề hỏi tên các ông, và nếu chiếc áo này không đan riêng cho các ông thì còn ai nữa ?

Qủa thế, vị pháp sư gầy gò không thể mặc chiếc áo đan to tướng , rất vừa vặn cho giáo sư Mortimer, một người Âu mà kích thước đã rất ư quá khổ, so với những người Âu khác, đó là chưa kể vòng bụng khổng lồ, rất hiếm có của ông này. Hơn nữa, áo này cũng không thể may sẵn để bán vì đường kim mũi chỉ rất ư vụng về, nếu có bán, cũng chẳng ai mua. Tại nơi hoang vu, không có ai ngoài vị pháp sư và phái đoàn, sự kiện này quả thật rất lạ lùng.

Giáo sư Evans-Wentz thắc mắc :
- Như vậy ông có thể sai khiến ma quỷ hay sao?
- Tôi không phải là một phù thuỷ, lợi dụng quyền năng cho tư lợi; mà chỉ là một người có rất nhiều bạn hữu vô hình bên cõi âm. Tôi hiểu rõ các luật thiên nhiên như Luân hồi, Nhân quả, và hậu quả việc thờ cúng ma quỷ để mưu cầu một cái gì. Tôi chỉ là một khoa học gia nghiên cứu cõi vô hình một cách đứng đắn. Sự nghiên cứu những hiện tượng siêu hình là một khoa học hết sức đứng đắn, chứ không phải mê tín dị đoạn. Nhiều người thường tỏ ý chê cười khi nói đến vấn đề ma quỷ, nên những ai có gặp ma, cũng chả dám nói vì sợ bị chê cười hay cho là loạn trí. Nếu người nào không tin hãy nghiên cứu và chứng minh một cách khoa học rằng ma

quỷ chỉ là những giả thuyết tưởng tượng, còn như phủ nhận không dám chứng minh chỉ là một cái cớ che dấu sự sợ hãi. Điều khoa học chưa chứng minh được không có nghĩa là điều này không có thật, vì một ngày nào đó, khoa học sẽ tiến đến mức mà họ có thể chứng minh tất cả. Những phương pháp thông thường như cầu cơ, đồng cốt, thường gặp sai lầm vì như tôi đã trình bày, các vong linh nhập vào phần lớn cũng có kiến thức giới hạn ở cảnh giới nào đó. Đôi khi họ cũng trích dẫn vài câu trong "Thánh kinh", hoặc sách vở, kinh điển để nâng cao giá trị lời nói, điều này có khác nào những nhà chính trị khi diễn thuyết. Phương pháp khoa học chính xác nhất là phải tự mình qua hẳn thế giới đó nghiên cứu. Các ông nên biết thân thể chúng ta không

phải môi trường duy nhất của linh hồn và giác quan của nó cũng không phải phương tiện duy nhất để nghiên cứu ngoại cảnh. Nếu ta chấp nhận rằng vũ trụ có nhiều cõi giới khác nhau và mỗi thể con người tương ứng với một cõi, thì ta thấy ngay rằng thể xác cấu tạo bằng nguyên tử cõi trần nên chỉ giới hạn trong cõi này được thôi. Các thể khác cũng có giác quan riêng của nó và khi giác quan thể vía được khai mở, ta có thể quan sát các cõi giới vô hình dễ dàng. Khi từ trần, thể xác tiêu hao, các giác quan không còn sử dụng được nữa thì linh hồn sẽ tập phát triển các giác quan thể vía ngay. Nếu biết cách khai mở các giác quan này khi còn sống, ta có thể nhìn thấy cõi âm một cách dễ dàng.

Giáo sư Allen ngập ngừng :

- Nhưng có một quan niệm lại cho rằng, sau khi chết linh hồn sẽ lên thiên đàng hay xuống địa ngục vĩnh viễn, điều này ra sao ?

Hamud lắc đầu :

- Đó là một quan niệm không hợp lý, vì điều này cho rằng khi chết linh hồn sẽ đổi thay toàn diện. Sau khi chết, linh hồn sẽ mất hết tính xấu để trở nên toàn thiện, trở nên một vị thiên thần vào cõi thiên đàng hoặc là linh hồn có thể mất hết các tính tốt để trở nên xấu xa, trở nên một thứ ma quỷ bị đẩy vào địa ngục. Điều này vô lý vì sự tiến hoá phải từ từ, chứ không thể đột ngột được. Trên thế gian này, không ai toàn thiện hay toàn ác. Trong mỗi chúng ta đều có các chủng tử xấu, tốt do các duyên, nghiệp từ tiền kiếp để lại; tuỳ theo điều kiện bên ngoài mà những chủng tử

này nẩy mầm, phát triển hay thui chột, không thể phát triển. Một người tu thân là một người biết mình, lo vun xới tinh thần để các nhân tốt phát triển, giống như người làm vườn lo trồng hoa và nhổ cỏ dại. Thực ra, khi sống và chết, con người không thay đổi bao nhiêu. Nếu khi sống họ ăn tham thì khi chết, họ vẫn tham ăn, chỉ có khác ở chỗ, điều này sẽ không còn được thoả mãn vì thể xác đã hư thối, tan rã mất rồi. Sau khi chết, tìm về nhà thấy con cháu ăn uống linh đình mà họ thì không sao ăn được, lòng ham muốn gia tăng cực độ như lửa đốt gan, đốt ruột, đau khổ không sao tả được.

- Như ông đã nói, loài ma đói thường rung động theo không khí quanh đó, như thế họ có thoả mãn không ?

- Khi người sống ăn ngon có các tư tưởng khoái lạc thì loài ma đói xúm quanh cũng tìm cách rung động theo tư tưởng đó, nhưng không làm sao thoả mãn cho được. Điều này ví như khi đói, nghĩ đến món ăn ngon ta thấy khoan khoái, ứa nước bọt nhưng điều này đâu có thoả mãn nhu cầu bao tử đâu. Các loại ma hung dữ, khát máu thường tụ tập nơi mổ sẻ súc vật, lò sát sinh để rung động theo những không khí thô bạo ở đó. Những người giết súc vật trong nhà vô tình mời gọi các vong linh này đến, sự có mặt của họ có thể gây nhiều ảnh hưởng xấu, nhất là cho nhũng người dễ thụ cảm.

- Đa số mọi người đều cho rằng ma quỷ thường xuất hiện ở nghĩa địa, điều này ra sao ?

- Sự hiện hình ở nghĩa địa chỉ là hình ảnh của thể

phách đang tan rã, chứ không phải ma quỷ, vong linh. Khi ta chết, thể xác hư thối thì thể phách vốn là thể trung gian giữa thể xác và thể vía cũng tan rã theo. Thể phách được cấu tạo bằng những nguyên tử tương đồng với nguyên tử cõi trần. Nhưng trong đó có nhiều nguyên tử 'dĩ thái', nên nhẹ hơn, nó thu thập các sinh lực còn rơi rớt trong thể xác, để cố gắng kéo dài sự sống thêm một thời gian nữa. Vì đang tan rã nên thể phách không hoàn toàn, do đó, đôi khi ta thấy trên nghĩa địa có những hình ảnh người cụt đầu, cụt chân, bay là là trên các nấm mồ, người không hiểu thì gọi đó là ma. Theo sự hiểu biết của tôi, thì việc thiêu xác tốt đẹp hơn việc chôn cất, vì để thể xác tan rã từ từ làm cho linh hồn đau khổ không ít và thường ở trong một giai

đoạn hôn mê, bất động một thời gian rất lâu. Thiêu xác khiến vong linh thấy mình không còn gì quyến luyến nữa nên siêu thoát nhanh hơn nhiều.

- Ma quỷ thường thuộc thành phần nào trong xã hội ?

- Chúng thuộc đủ mọi thành phần, tuỳ theo dục vọng khi còn sống. Người chết bất đắc kỳ tử thường lưu lại cõi âm lâu hơn người chết già vì còn nhiều ham muốn hơn. Những kẻ sát nhân bị hành quyết vẫn sống trong cảnh tù tội, giận hờn và có ý định trả thù. Một người tự tử để trốn nợ đời cũng thế, y sẽ hôn mê trong trạng thái khổ sở lúc tự tử rất lâu. Định luật cõi âm xác nhận rằng, "Chính cái dục vọng của ta quyết định cảnh giới ta sẽ đến và lưu lại ở đó lâu hay mau."

- Số phận của những người quân nhân tử trận thì ra sao ?
- Họ cũng không ra ngoài luật lệ đó, tuỳ theo dục vọng từng cá nhân. Tuy nhiên, người hy sinh tính mạng cho một lý tưởng có một tương lai tốt đẹp hơn, vì cái chết cao đẹp là một bậc thang lớn trong cuộc tiến hoá. Họ đã quên mình để chết và sống cho lý tưởng thì cái chết đó có khác nào những vị thánh tử đạo. Dĩ nhiên không phải quân nhân nào cũng sống cho lý tưởng và những kẻ giết chóc vì oán thù và chết trong oán thù lại khác hẳn.
- Như ông nói thì người chết vẫn thấy người sống ?
- Thật ra phải nói như thế này. Khi chết các giác quan thể xác đều không sử dụng được nữa,

nhưng người chết vẫn theo dõi mọi sự dễ dàng vì các giác quan thể vía. Không những thế họ còn biết rất rõ tư tưởng, tình cảm liên hệ; mặc dù họ không còn nghe thấy như chúng ta. Nhờ đọc được tư tưởng, họ vẫn hiểu điều chúng ta muốn diễn tả.

- Như vậy thì họ ở gần hay ở xa chúng ta ?

- Khi mới từ trần, người chết luôn quanh quẩn bên gia đình, bên những người thân nhưng theo thời gian, khi ý thức hoàn cảnh mới, họ sẽ tách rời các ràng buộc gia đình để sống hẳn ở cõi giới của họ.

- Như thế có cách nào người sống tiếp xúc được với thân nhân quá cố không ?

- Điều này không có gì khó. Hãy nghĩ đến họ trong giấc ngủ. Thật ra nếu hiểu biết thì ta

không nên quấy rầy, vì làm thế chỉ gây trở ngại cho sự siêu thoát. Sự chết là bước vào một đời sống mới, các sinh lực từ trước vẫn hướng ra ngoài, thì nay quay vào trong, linh hồn từ từ rút khỏi thể xác bằng một bí huyệt trên đỉnh đầu. Do đó, hai chân từ từ lạnh dần rồi đến tay và sau cùng là trái tim. Lúc này người chết thấy rất an tĩnh, nhẹ nhàng không còn bị ảnh hưởng vật chất. Khi linh hồn rút lên óc, nó sẽ khơi động các ký ức, cả cuộc đời sẽ diễn lại như cuốn phim. Hiện tượng này gọi là "hồi quang phản chiếu" (Memory projection). Đây là một giây phút hết sức quan trọng vì nó ảnh hưởng rất lớn đến đời sống cõi bên kia. Sợi dây từ điện liên hệ giữa thể xác và thể phách sẽ đứt hẳn. Đây là lúc người chết hoàn toàn hôn mê, vô ý thức để linh hồn rút

khỏi thể phách và thể vía bắt đầu lo bảo vệ sự sống của nó bằng cách xếp lại từng lớp nguyên tử, lớp nặng bọc ngoài và lớp thanh nhẹ ở trong. Sự thu xếp này ấn định cõi giới nào vong linh sẽ đến.

- Ông du hành sang cõi âm thế nào ?

- Nói như thế không đúng lắm, vì ám chỉ một sự di chuyển từ nơi này đến nơi khác. Các cõi thật ra ở cùng một nơi chỉ khác nhau ở chiều không gian và thời gian. Sang cõi âm là sự chuyển tâm thức, sử dụng giác quan thể vía để nhận thức chứ không phải đi đến một nơi nào hết. Sở dĩ cõi trần không thấy cõi âm vì nguyên tử cấu tạo nó quá nặng nề, rung động quá chậm không thể đáp ứng với sự rung động nhanh của cõi âm. Quan niệm về không gian cũng khác vì đây là cõi tư

tưởng, nghĩ đến đâu là ta đến đó liền, muốn gặp ai chỉ cần giữ hình ảnh người đó trong tư tưởng ta sẽ gặp người đó ngay. Khi di chuyển ta có cảm giác như lướt trôi, bay bỗng vì không còn đi bằng hai chân như thể xác.

- Những người chết nhận thức về đời sống mới ra sao ?

- Trừ những kẻ cực kỳ hung dữ, ghê gớm, đa số mọi người thức tỉnh trong cảnh giới thứ năm hoặc thứ sáu, vốn có rung động không khác cõi trần là bao. Lúc đầu họ còn bỡ ngỡ, hoang mang nhưng sau sẽ quen đi. Tuỳ theo tình cảm, dục vọng mà họ hành động. Tôi đã gặp vong linh của một thương gia giàu có, ông này cứ quanh quẩn trong ngôi nhà cũ nhiều năm, ông cho tôi biết rằng ông rất cô đơn và đau khổ. Ông không có

bạn và cũng chả cần ai. Ông trở về căn nhà để sống với kỷ niệm xưa nhưng ông buồn vì vợ con ông vẫn còn đó nhưng chả ai để ý đến ông. Họ tin rằng ông đã lên thiên đàng, vì họ đã bỏ ra những số tiền, tổ chức các nghi lễ tôn giáo rất lớn, một tu sĩ đã xác nhận thế nào ông cũng được lên thiên đàng. Tôi khuyên ông ta nên cởi bỏ các quyến luyến để siêu thoát nhưng ông ta từ chối. Một vài người thân đã qua đời cũng đến tìm gặp, nhưng ông cũng không nghe họ. Có lẽ ông ta sẽ còn ở đó một thời gian lâu cho đến khi các lưu luyến phai nhạt hết. Tôi đã gặp những vong linh quanh quẩn bên cạnh cơ sở mà họ gầy dựng nên, họ vô cùng đau khổ và tức giận vì không còn ảnh hưởng được gì, họ rất khổ sở khi người nối nghiệp, con cháu có quyết định sai

lầm, tiêu phá cơ nghiệp. Tôi đã gặp những người chôn cất của cải, phập phồng lo sợ có kẻ tìm ra, họ vẫn quanh quẩn gần đó và đôi khi tìm cách hiện về doạ nạt những người bén mảng đến gần nơi chốn dấu. Vong linh ghen tuông còn khổ sở hơn nữa; họ không muốn người họ yêu mến chia sẻ tình yêu với kẻ khác. Đôi khi họ điên lên khi chứng kiến sự âu yếm của người họ yêu mến và người khác. Dĩ nhiên họ không thể làm gì được nên vô cùng khổ sở. Những nhà lãnh đạo, những vua chúa, những người hống hách quyền uy thì cảm thấy bất lực khi không còn ảnh hưởng gì được nữa, nên họ hết sức đau khổ. Hãy lấy trường hợp một vong linh chết đuối, vì y không tin mình đã chết, nên cứ ở trong tình trạng lúc chết, nghĩa là ngộp nước. Vì đầu óc hôn

mê, nên y không nhìn thấy cõi âm, mà vẫn giữ nguyên hình ảnh cõi trần, dĩ nhiên nó chỉ nằm trong tư tưởng của y mà thôi. Nói một cách khác, thời gian như ngừng lại, y cứ thế hôn mê trong nhiều năm. Tôi đã cố gắng thuyết phục nhưng nói gì y cũng không nghe, tôi bèn yêu cầu y trở về nhà, đầu óc y hôn mê quá rồi, nên cũng không sao trở về được. Nhờ các bạn bè cõi vô hình, tôi tìm được tên tuổi, và địa chỉ thân nhân vong linh. Tôi tiếp xúc với họ và yêu cầu lập một nghi lễ cầu siêu để cảnh tỉnh vong linh. Nhờ sức chú nguyện mãnh lực của buổi cầu siêu, tôi thấy vong linh từ từ tỉnh táo ra, nghe được lời kinh. Y trở về nhà và chứng kiến buổi cầu siêu của con cháu gần 60 năm sau khi y qua đời. Sau đó y chấp nhận việc mình đã chết và siêu thoát…

- Ông cho rằng sự cầu nguyện có lợi ích đến thế sau ?

- Cầu siêu cho vong linh là một điều hết sức quan trọng và ích lợi , vì nó chứa đựng một sức mạnh tư tưởng vô cùng mãnh liệt. Oai lực lời kinh và âm hưởng của nó thật là vô cùng ở cõi âm nếu người ta tụng niệm chú tâm, sử dụng hết cả tinh thần. Tiếc thay, người đời chỉ coi tụng niệm như một hình thức. Họ chỉ biết đọc các câu kinh trên đầu môi, chót lưỡi chứ không biết tập trung tinh thần, nên mất đi phần nào hiệu nghiệm. Sự cầu nguyện có một sức mạnh kinh khủng, có thể dời núi lấp sông, đó là bí huyết khoa "Mật tông Tây Tạng".

- Như ông nói thì tôn giáo Tây Tạng có hiệu nghiệm nhiều hay sao ?

- Vấn đề cầu nguyện cho người chết không phân biệt tôn giáo và cũng không cần theo một nghi thức, nghi lễ nào nhất định, mà chỉ cần tập trung tư tưởng, hết sức chú tâm cầu nguyện. Theo sự hiểu biết của tôi thì tôn giáo nào cũng có những nghi lễ riêng và nghi lễ nào cũng tốt nếu người thực hành thành tâm.

- Như vậy nghi lễ rửa tội trước khi chết có ích lợi gì không ?

- Một số người tin rằng, hạnh phúc vĩnh cữu của con người tuỳ thuộc tâm trạng y lúc từ trần. Nếu lúc đó y tin rằng mình được cứu rỗi thì như được một vé phi cơ lên thiên đàng, còn không y sẽ xuống địa ngục. Điều này gây nhiều sợ hãi, lo âu vô ích. Nếu một người chết thình lình thì sao? Phải chăng họ sẽ xuống địa ngục ? Nếu một tín

đồ hết sức ngoan đạo nhưng chết ngoài trận mạc thì sao ? Họ đâu được hưởng nghi lễ rửa tội ? Sự chuẩn bị hữu hiệu nhất là có một đời sống thanh cao, nếu ta đã có một đời sống cao đẹp, thì tâm trạng khi chết không quan trọng. Trái lại, ta không thể ao ước một tương lai tốt đẹp dù tang lễ được cử hành bằng các nghi lễ to lớn, linh đình nhất. Dù sao, tư tưởng chót trước khi lìa đời cũng rất hữu ích cho cuộc sống mới bên kia cửa tử . Nó giúp vong linh tỉnh táo, dễ thích hợp với hoàn cảnh mới hơn. Một cái chết thoải mái, ung dung phải hơn một cái chết quần quại, chết không nhắm mắt được. Theo tôi thì sự hiểu biết về cõi vô hình, sự chuẩn bị cho cái chết là điều hết sức quan trọng, cần được phổ biến rộng rãi, nhưng tiếc là ít ai chú ý đến việc này.

- Vậy theo ông, chúng ta cần có thái độ gì ?

- Đối với người Âu tây, đời sống bắt đầu khi lọt lòng mẹ, và chấm dứt lúc chết, đó là một quan niệm cần thay đổi. Đời sống cõi trần chỉ là một phần nhỏ của chu kỳ kiếp sống. Chu kỳ này được biểu hiện bằng một vòng tròn mà sự sống và chết là những nhịp cầu chuyển tiếp giữa hai cõi âm, dương, giữa thế giới hữu hình và vô hình. Trên con đường tiến hoá, còn hằng ha sa số các chu ký, các kiếp sống cho mỗi cá nhân. Linh hồn từ cõi thượng giới cũng phải qua cõi trung giới. Phần ở cõi trần chỉ là một phẩn nhỏ của một kiếp sống mà thôi. Trong chu kỳ này, phần quan trọng ở chỗ vòng tròn tiến sâu vào cõi trần và bắt đầu chuyển ngược trở lên, đó là lúc linh hồn hết tha thiết với vật chất, mà có ý hướng về tâm

linh. Các cổ thư đã vạch ra một đời sống ở cõi trần như sau : 25 năm đầu để học hỏi, 25 năm sau để lo cho gia đình, đây là giai đoạn tiến sâu vào trần thế, 25 năm sau nữa phải từ bỏ việc đời để lo cho tâm linh, đó là thời điểm quan trọng để đi ngược lên, hướng về tâm linh, và 25 năm sau chót phải từ bỏ tất cả, chỉ tham thiền, quán tưởng ở nơi rừng sâu, núi thẳm. Đối với người Á châu thì 50 tuổi là lúc từ bỏ vật chất để hướng về tâm linh, nhưng người Âu châu lại khác, họ ham mê làm việc đến độ mù quáng, cho đến già vẫn tranh đấu hết sức vất vả, cho dục vọng, cho bản ngã, cho sự sống còn, cho sự thụ hưởng . Do đó, đa số mất quân bình và khi chết hay gặp các nghịch cảnh không tốt. Theo ý tôi, chính vì sự thiếu hiểu biết về cõi âm nên con người gây

nhiều tai hại ở cõi trần. Chính vì không nhìn rõ mọi sự một cách tổng quát, nên họ mới gây lầm lỗi, chứ nếu biết tỷ lệ đời sống cõi trần đối với toàn kiếp người, thì không ai dồn sức để chỉ lo cho 1/3 kiếp sống, mà sao lãng các cõi trên. Nếu con người hiểu rằng quãng đời ở cõi trần rất ngắn ngủi, đối với trọn kiếp người và đời sống các cõi khác còn gần với chân lý, sự thật hơn thì có thể họ đã hành động khác đi chăng ? Có lẽ vì quá tin tưởng vào giác quan phàm tục, nên đa số coi thế giới hư ảo này là thật và cõi khác là không có…

- Nhưng nếu ông cho rằng các cõi kia còn gần với sự thật hơn, thì tại sao ta lại kéo lê kiếp sống thừa ở cõi trần làm gì ? Tại sao không rũ nhau đi sang cõi khác có tốt hơn không ?

Hamud mỉm cười :
- Tuy cõi trần hư ảo, nhưng nó có những lợi ích của nó, vì con người chỉ có thể tìm hiểu, và phát triển xuyên qua các rung động thô thiển này thôi. Cõi trần có các bài học mà ta không tìm thấy ở đâu khác. Chính các bậc chân tiên, bồ tát trước khi đắc quả vị đều phải chuyển kiếp xuống trần, làm các công việc vĩ đại như một thử thách cuối cùng. Muốn khai mở quyền năng, con người phải tiếp nhận các bài học ở cõi trần, nhờ học hỏi những bài học này, họ mới trở nên nhạy cảm với các rung động ở cõi trên.
- Ông muốn nói sự nhạy cảm như thế nào ?
- Sự mở mang trí tuệ giống như một máy thu thanh, và các rung động ví như các tầng sóng. Một người không hiểu biết, ví như máy thu

thanh không bắt trúng đài, không thay đổi băng tầng. Họ sinh ra sao thì chết cũng vậy, chả học được điều gì, vì như máy không bắt trúng đài chỉ kêu rè rè. Một người hiểu biết là người biết thay đổi con người của mình để bắt trúng những tầng sóng. Dĩ nhiên có nhiều làn sóng, băng tầng khác nhau và con người sẽ bị tràn ngập bởi các làn sóng này cho đến khi họ điều hoà, phân biệt điều hay, lẻ dở, để chọn những bằng tầng thích hợp hơn. Khi đó, họ bắt trúng những đài phát thanh, nghe được điệu nhạc họ muốn. Huyền âm của thượng đế lúc nào cũng vang lừng trong vũ trụ cho những ai muốn nghe, biết chuyển tâm thức để nghe, biết thay đổi tâm hồn để bắt được làn sóng thanh cao, tế nhị đó.

Mọi người gật đầu thán phục vị pháp sư Ai cập

đã dùng những thí dụ cụ thể để giải thích một điều phức tạp. Giaó sư Mortimer thắc mắc :

- Ngoài việc khai mở giác quan để nghiên cứu cõi âm, ông còn làm gì nữa ?

- Việc nghiên cứu sẽ không có ý nghĩa gì, nếu ta chỉ quan sát như một khách bàng quang, đứng ngoài nhìn ngắm. Con người cần học hỏi những điều gì xảy ra khi họ từ trần, để thay đổi thích hợp với cuộc sống mới, không những cho họ mà còn cho những người thân. Càng hiểu biết bên kia cửa tử, họ càng dễ dàng hướng dẫn các vong linh khác.

- Nói một cách khác, ông hay giúp đỡ những vong linh vừa từ trần ?

- Chính thế, đó là công việc của tôi. Phần lớn người chết thường xúc động và không chấp

nhận rằng họ đã chết, họ muốn bám víu lấy cõi trần, và trở nên các loài ma vất vưởng. Công việc của tôi là trấn an họ, giải thích cho họ rằng ở cõi âm nếu muốn siêu thoát cần thay đổi trọn vẹn lối sống. Việc này dĩ nhiên rất khó vì các vong linh không chịu nghe, hơn nữa nhiều người luyến tiếc cõi trần , vì họ có những việc chưa giải quyết xong, tâm hồn họ chưa được an để siêu thoát. Vì thế sự hiện diện của một người còn sống như tôi rất hữu ích, tôi có thể giúp họ hoàn tất các tâm nguyện để họ siêu thoát…

- Công việc này có kết quả gì không ?
- Đây là một việc hết sức khó khăn, nên tôi phải kết thân với một số bạn bè bên cõi âm. Nếu vong linh u mê nhất định không nghe, thì tôi phải nhờ những bạn bè, người thân của họ thuyết phục,

giúp đỡ. Thí dụ như một vong linh bị chết trong một trận hoả hoạn tại Luân đôn. Y bị kẹt trong toà nhà ba tầng, không sao thoát được, nên chết ngộp bởi khói. Y không tin mình đã chết, nên thần thức vẫn vùng vẫy, tìm chỗ thoát thân. Tôi khuyên bảo nhưng y quá lo sợ chết cháy, nên không chịu tin lời tôi. Sau tôi phải nhờ mẹ y đã từ trần từ nhiều năm trước đến khuyên bảo thì y mới chấp nhận và siêu thoát.

- Ông muốn nói rằng thân quyến có thể làm việc đó, dù họ chết đã lâu ?

- Dĩ nhiên, sự liên hệ giữa con người với nhau đâu phải tình cờ mà do nhiều duyên nghiệp từ trước. Nếu sợi dây thân ái vẫn còn, thì dù qua đời họ vẫn để ý lưu tâm đến những người họ yêu mến. Dù đã siêu thoát lên cảnh giới riêng,

nhưng họ vẫn sẵn sàng trở lại khuyên bảo, giúp đỡ con cháu của họ.

- Như vậy sau khi chết ta có thể gặp lại cha mẹ, ông bà, họ hàng thân thích hay sao ?

- Dĩ nhiên, như tôi vẫn nói con người khi sống ra sao thì chết vẫn vậy, đâu có đổi thay gì. Nếu tình cảm vẫn còn thì họ vẫn tìm đến gặp nhau. Thật ra nếu ta xem sự chết như đi du lịch qua một thế giới mới, quang đãng, sáng sủa hơn thì chúng ta sẽ không có cảm tưởng xa người quá cố. Sự thật là không có điều gì chia cách linh hồn cả, khi ta yêu mến ai bằng những rung động chân thành, ta yêu mến họ qua linh hồn của họ chứ đâu phải chỉ xác thân. Xác tuy hư hoại nhưng hồn họ vẫn ở quanh ta, tuy ta không thấy họ nhưng họ vẫn cảm nhận được tình thương của ta. Họ còn biết

các đau buồn, cảm giác của ta, vì họ đọc được tư tưởng. Dĩ nhiên, nếu họ vẫn theo dõi thì khi ta chết đi, họ sẽ đón tiếp để trấn an ta. Đây là một vấn đề cần được lãnh hội cẩn thận, vì khi hiểu biết ta sẽ không còn sợ hãi, ta chấp nhận sự chết như một việc hiển nhiên. Bên kia cửa tử cũng như cõi trần, luật thiên nhiên luôn luôn biểu hiện và hết sức công bằng.

- Làm sao chúng tôi có thể biết chắc rằng khi chết ta sẽ gặp người thân ?

- Như tôi đã trình bày, có bảy cảnh ở cõi trung giới và sự thức tỉnh ở cảnh nào hoàn toàn tuỳ theo tâm thức con người rung động cùng với nhịp rung của cảnh đó. Con người chỉ có thể tiếp xúc với vong linh ở cảnh đó hoặc cảnh thấp hơn mà thôi. Đa số những người qua đời đã lâu, thể

vía đã được thanh lọc nên thường sống ở cảnh giới cao hơn, do đó họ có thể tiếp xúc với những người ở cảnh giới thấp hơn nếu họ muốn. Ngược lại những kẻ thức tỉnh ở cảnh thứ bảy hay thứ sáu chỉ muốn tìm về cõi trần mà thôi, ít khi ý thức cảnh giới khác. Có nhiều vong linh sau khi đã lên đến cảnh giới cao lại tìm về những cảnh thấp hơn, không phải họ ham mê gì cõi này, nhưng vì lòng thương người, họ muốn giúp đỡ những người cùng cảnh ngộ, những kẻ lạc lõng, bơ vơ không ý thức.

Hamud im lặng một lúc rồi thong thả :

- Cứu trợ, giúp đỡ các vong linh bên kia cửa tử là một điều hết sức cần thiết vì người chết thì nhiều, mà người hiểu biết lại chẳng có bao nhiêu….

- Nhưng đâu phải ai cũng làm được việc này, phải có các quang năng đặc biệt như ông, hay đợi lúc chết mới giúp đỡ được chứ…

Hamud lắc đầu :

- Không phải khi từ trần mới làm được việc này. Khi còn sống ta vẫn có thể làm được mà cũng không cần khai mở quang năng nào cả. Bất cứ ai biết suy nghĩ đều có thể làm được. Các ông nên hiểu rằng khi ngủ, thể vía của ta được tự do có thể hoạt động bên cõi âm. Nếu ta tập trung tư tưởng trước khi ngủ vào một sự giúp đỡ, an ủi nhắm mục đích hướng dẫn, cứu trợ tất cả mọi người không phân biệt thì điều này sẽ được thực hiện.

- Chỉ thế thôi ư ? Như vậy thì ai làm chẳng được ?

- Dĩ nhiên, điều này không nguy hiểm gì hết vì tư tưởng có một sức mạnh thần giao đặc biệt và có một mãnh lực phi thường ở cõi âm. Nếu ta tập làm những việc này khi còn sống, ta sẽ không bỡ ngỡ, ngạc nhiên khi qua cõi bên kia vì ta đã quen thuộc với nó rồi. Ta còn gặp những người nhờ tư tưởng của ta mà được giúp đỡ, dĩ nhiên là họ sẽ đón tiếp ta nồng hậu và từ đó sẽ tiếp tục làm những công việc này…

- Làm sao có thể dễ dàng như thế được ?

Hamud mỉm cười :

- Nghe thì dễ thật nhưng nó đòi hỏi một sự quyết tâm. Thứ nhất việc làm của ta phải bất vụ lợi, vị tha, vô tư vì cõi âm là cõi tư tưởng . Nếu ta có ý định mưu đồ việc gì, những người khác biết ngay và hậu quả lại chưa biết thế nào mà lường

được. Thứ hai, đa số vong linh đều u mê, ngoan cố, rất khó thuyết phục, vì các nghiệp quả trói buộc hoặc lưu luyến cõi trần vì con cháu khóc than, thương tiếc quá làm họ đâm ra xúc động khó siêu thoát. Do đó, công việc này đòi hỏi sự tế nhị, khéo léo và một tâm hồn an tĩnh, không bối rối, xúc động. Nhưng khi ta đã phát tâm thì tư tưởng này sẽ là một khí cụ rất tốt giúp đỡ ta rất nhiều. Theo ý kiến của tôi, thì việc có một kiến thức rộng rãi về cõi âm là căn bản đầu tiên.

Giáo sư Allen lắc đầu :

- Nếu nói rằng khi ngủ, ta qua cõi âm. Tại sao tôi không ý thức một tí gì cả ? Phải có một bằng chứng nào rõ rệt mới tin như vậy được .

- Các ông hiểu thế nào về sự cấu tạo của con người. Trong lúc tỉnh, thể vía là cây cầu cho tâm

thức. Mọi sự va chạm, rung động, cảm xúc bên ngoài do hệ thần kinh giao cảm, được thể vía chuyển vào tâm thức, sau đó mới ghi nhận ở khối óc. Bằng chứng là ta suy nghĩ trước khi ta hành động có phải không ? Nguyên nhân giấc ngủ là sự mệt mỏi của thể xác. Nó cần phục hồi sức khoẻ nên nằm yên, nhưng thể vía lại khác. Nó vẫn hoạt động vì bằng chứng là đôi khi ngủ say nhưng ta vẫn ý thức mọi việc xảy ra chung quanh, có đúng thế không ? Thể vía luôn rung động để đáp ứng với hoàn cảnh chung quanh, vì tính chất này nó rất mẫn cảm với các rung động của bản năng, ham muốn, dục vọng. Các tính xấu như giận hờn, oán ghét chẳng qua là sự cô đọng của tư tưởng mà thôi. Sự cô đọng này tạo thành một lớp vỏ bao trùm lên thể vía, và ảnh hưởng

của nó. Do đó, tính tình con người chỉ là một thói quen của tư tưởng. Như tôi đã trình bày, tư tưởng thanh cao cũng như hèn hạ đều bị thu hút vào thể vía và trực tiếp ảnh hưởng đến tình cảm con người. Bằng chứng là một người có tâm hồn thanh khiết không thể hợp với những nơi ồn ào náo nhiệt, ngược lại kẻ có tâm hồn náo động không thể chịu nơi vắng vẻ, êm đềm. Có người tự hỏi, tại sao họ không thể ngồi yên một chỗ, không thể tu tập các pháp môn thiền quán ? Ấy vì thể vía họ lao chao, giao động. Họ cần biết cách chủ trị tình cảm, thanh lọc thể vía. Các món đồ ăn nặng trọc như thịt cá, rượu, các chất kích thích cũng đem vào thể vía những phần nặng trọc. Người tu phải triệt để từ bỏ các món ăn này, vì nó rất có hại cho việc tham thiền, quán

tưởng. Thể xác và thể vía liên lạc với nhau qua bảy trung tâm giao điểm sinh lực gọi là Luân xa. Tại đây, có một tấm màn cấu tạo bằng nguyên tử cõi trần để ngăn chặn ảnh hưởng cõi âm. Vì thế, ký ức và sinh hoạt lúc ngủ không chuyển sang khối óc vật chất. Tuy nhiên, đôi khi ngủ dậy ta vẫn mường tượng có một cái gì mà không sao nhớ được. Đối với một người bình thường thì luân xa không thức động nên tấm màn này khép chặt nhưng rượu, thịt, các chất kích thích có thể phá hoại tấm màn này khiến nó bị rách và ảnh hưỏong cõi âm có thể chuyển qua cõi trần khiến y bị điên khùng hay rối loạn hệ thần kinh. Có khi cá nhân mất tự chủ, bị các loài ma quỷ nhập vào sai khiến.

Giáo sư Allen lên tiếng :

- Những điều ông trình bày rất lạ lùng, nhưng cũng có lý. Tuy nhiên, theo sự hiểu biết của chúng tôi thì khoa học không thể chứng minh điều này. Liệu có cách nào khiến chúng tôi cũng khai mở các quan năng để nghiên cứu cõi giới vô hình như ông không ?

Hamud gật đầu :

- Sự khai mở quyền năng thuộc phạm vi tâm thức, trước khi mở tâm phải tinh luyện các thể đã. Nếu chưa thanh lọc được các thể thì đừng nói đến khai mở bất cứ một giác quan nào.

- Vậy ta phải luyện các thể bằng cách nào ?

- Tinh luyện thể trí bằng sự suy tư chân chính. Trí tưởng tượng con người là một công cụ sáng tạo hữu hiệu. Khi ta suy tư, tưởng tượng, ta vô tình xây dựng thể trí. Nếu ta chỉ suy tư những

điều tốt lành, cao thượng thì ta đã luyện trí rồi. Sau thể trí là thể vía, thể này chỉ luyện bằng cách ham muốn chân chính. Hãy ham mê các điều cao thượng thì tự khắc thể vía sẽ phát triển.

- Ông nói nghe thật dễ dàng. Tư tưởng cao thượng và ham muốn chân chính là những điều trừu tượng, làm sao có thể làm được…

- Đa số mọi người quan niệm như thế nên chả khi nào tiến bộ được. Con người muốn quyền năng, giải thoát nhưng chỉ chờ đợi một phép lạ, một tha lực ngoại giới, chứ không tự tin rằng mình có khả năng làm những việc đó.

- Dù tôi muốn thanh lọc các thể thì cũng phải có một phương pháp, một sự hướng dẫn, một kỹ thuật nào đó, chứ nói một cách trừu tượng thì ai nói chẳng được.

- Theo sự hiểu biết của tôi thì tôn giáo nào cũng dạy những điều cao đẹp và áp dụng những lời dạy này. Đây cũng là một phương pháp, kỹ thuật thanh lọc các thể .
- Như vậy, ông theo phương pháp nào ? Hãy nói về kinh nghiệm của ông đã…
Hamud trầm ngâm rồi gật đầu :
- Được lắm, tôi được truyền thụ phương pháp này tại một tu viện ở Tây Tạng, nên chịu ảnh hưởng Phật giáo rất nhiều. Thứ nhất là luyện thể xác, phải biết cách kiểm soát, kiềm chế thể xác hoàn toàn, quy định mọi hoạt động như ăn, uống, ngủ cho thật đúng. Thức ăn được phân làm ba loại : tỉnh, động và điều hoà. Người tập phải tránh đồ ăn "tỉnh" vì nó làm thể xác hôn mê, lười biếng, bất động. Các thức ăn có đặc tính

“tỉnh” là các món đang lên men, các thứ đồ khô, các loại rượu. Các món ăn có đặc tính “động”, như thịt, cá, thường đem lại các kích thích hăng hái nhất thời, xác chết thú vật gồm nhiều nguyên tử nặng nề bởi các thú tính thấp hèn không thích hợp cho việc tu hàn, thanh lọc. Chỉ có các món ăn “điều hoà” là thứ có khả năng tăng trưởng, chứa nhiều sụ sống như ngũ cốc, vì nó đâm mầm, nẩy lộc, các loại trái cây vốn tràn đầy nhựa sống, các loại rau cỏ vốn hấp thụ khí thái dương cần thiết cho một thể xác cường tráng, nhạy cảm. Sau việc ăn uống, còn phải thở hít, hô hấp cho đúng cách. Khoa học chứng minh con người sống được là nhờ hơi thở nhưng thật ra đó nhờ sinh khí (prana). Chính các sinh khí này thấm nhuần khắp cơ thể, mang sự sống đến

khắp tế bào. Prana xuất phát từ ánh sáng mặt trời, nó rung động và pha trộn trong không khí. Bằng cách hô hấp thật sâu, thong thả. Prana sẽ thấm vào thần kinh hệ và lưu thông khắp châu thân, mang sự sống khắp xác thể. Chính các Prana tích tụ trong hệ thần kinh tạo ra luồng "nhân điện", một yếu tố quan trọng của sự sống. Tóm lại, dinh dưỡng đúng cách bằng các món ăn có đặc tính "điều hoà", tập thở hít đúng cách là phương pháp tinh luyện thể xác vô cùng quan trọng. Như các ông thấy, phương pháp này không có gì trái với khoa học hiện tại. Cách thực hành có thể khác nhau tuỳ cá nhân, người gọi là thể dục, kẻ gọi là thiền định, điều này không quan trọng vì căn bản chính chỉ nhằm đem lại một thể xác lành mạnh, cường tráng. Người

luyện thể xác cần sống nơi thoáng khí, nhiều ánh sáng mặt trời để đón nhận các sinh lực prana, nhằm bổ túc luồng nhân điện. Các món ăn như thịt cá mang lại các rung động thô bạo, khiến luồng nhân điện này chạy loạn lên khó kiểm soát, gây nên các bệnh tật hoặc phá hoại hệ thần kinh. Các món ăn "tỉnh" như rượu làm tê liệt bộ thần kinh khiến luồng nhân điện bị ngắt quãng không đều, ngăn trở các sinh khí prana lưu thông mang sinh lực nuôi thể xác, gây nên nhiều hậu quả không tốt.

Sau khi thanh lọc thể xác, ta bắt đầu luyện đến thể vía. Thể vía là trung tâm của tình cảm, một khi tình cảm trong sạch, vị tha, bác ái, đương nhiên các chất thanh nhẹ sẽ được hấp thụ vào và các chất nặng trọc, xấu xa sẽ bị đào thải ra ngoài,

theo một nguyên lý giống như sự thấm lọc (osmose). Khi thể vía thanh cao, nó sẽ rung động với các tư tưởng cao thượng mang tâm thức lên một bình diện cao hơn. Khi sự rung động đến một chu kỳ nào đó, các giác quan thể vía bắt đầu khai mở tự nhiên, con người sẽ bắt đầu có quyền năng đặc biệt. Nói một cách khoa học hơn, các giác quan thể vía chỉ hoạt động ở một chu kỳ và chỉ khi nào thể vía rung động đúng chu kỳ này nó mới được đánh thức để hoạt động. Thể vía chỉ có thể rung động ở chu kỳ này vì nó được cấu tạo bằng những nguyên tử thật thanh, nhẹ, khi những nguyên tử nặng trọc bị khu trục hết. Điều này chỉ xảy ra khi con người chỉ có các tình cảm cao thượng, lòng bác ái tốt lành bao trùm mọi vật. Đó là bí quyết cách luyện

thể vía.

Khi bảy giác quan của thể vía hoạt động, nó sẽ khai mở một số bí huyệt để luồng hoả hầu Kundalini thức giấc. Khi luồng hoả hầu này chạy dọc theo xương sống lên đỉnh đầu, nó sẽ thúc đẩy, khai mở thể trí khiến nó khai triển để hợp nhất với chân thần. Khi thể trí khai triển, mở lớn ra nó sẽ khởi sự tiêu diệt cái phàm ngã ích kỷ của con người để hướng đến các điều thánh thiện. Đây là một giai đoạn vô cùng khó khăn, rất ít ai vượt qua nổi. Danh từ Phật giáo gọi là Phật tánh biểu lộ, danh từ Thiên chúa giáo gọi là quên mình để hoà nhập với đấng cứu thế, danh từ Ấn giáo gọi là sự hợp nhất với Chân Ngã. Nói một cách giản dị thì đây là lúc trí tuệ quy kết các tư tưởng và hoạt động về tình huynh đệ, bác ái

nhu thuận, từ bi, trí tuệ, vị tha, hỷ xả để kết tinh thành chân ngã. Khi phàm ngã hoàn toàn bị huỷ diệt, các thể cũng hoàn toàn được thanh lọc thì không còn sự phân biệt giữa ta và tha nhân, giữa chủ thể và đối tượng mà tất cả đều là một. Thể trí không còn tính cách cá nhân mà đã thành "đại trí", hay trí tuệ "bát nhã". Tâm thức cũng không còn là tâm cá nhân mà thành tâm thức "bồ đề", hoà hợp hoàn toàn với tâm thức vũ trụ. Cả tâm lẫn trí mở rộng đón nhận ánh sáng chân lý mà không còn phải học hỏi, lý luận gì nữa. Đây chính là giai đoạn giác ngộ của người tu. Họ trở nên một đấng siêu nhân, một vị Tổ, một vị Thánh…

Giáo sư Evan-Wentz thắc mắc :

- Căn cứ vào đâu ta biết được như vậy ? Phải có

bằng chứng gì chứ ?

Hamud lắc đầu :

- Các kinh nghiệm quý báu, thiêng liêng đó chỉ có các bậc giác ngộ rồi mới hiểu được. Không một vị thánh nào vỗ ngực tự xưng đã đạt quả vị này hay quyền năng nọ. Khi đã giác ngộ thì chức tước, danh vọng, địa vị đâu có nghĩa lý gì nữa, vì họ đâu còn bản ngã thấp hèn như chúng ta để phân biệt. Chỉ có các “bậc lừa bịp”, các tu sĩ giả mạo mới thích danh vọng, chức tước , vì bản ngã họ còn to lớn và cần các danh xưng, địa vị để lừa bịp tín đồ nhẹ dạ.

- Trên nguyên tắc thì như vậy, nhưng còn phương pháp, kỹ thuật thì sao ?

- Phương pháp, kỹ thuật thì rất nhiều, con đường đến chân lý cũng thế, tuỳ theo nhân

duyên, căn cơ cá nhân không thể áp dụng một kỹ thuật nào cứng nhắc được. Phương pháp, kỹ thuật có thể khác nhau, nhưng nguyên tắc chỉ có một. Sự thật là chân lý luôn luôn được truyền dạy dưới hình thức này hay hình thức khác., tuỳ theo điều kiện, hoàn cảnh và phương tiện. Phương pháp tuy khác nhưng chân lý vẫn là một giống như nước suối hay nước sông vẫn là nước mà thôi. (Tuỳ duyên bất biến). Chân lý có thể được truyền dạy bởi những thầy phù thuỷ trong các bộ lạc man dã hoặc các bậc giáo chủ trong kinh điển tôn giáo. Kinh điển hay tôn giáo có thể khác nhau về hình thức nhưng vẫn có điểm tương đồng mà ta phải chấp nhận.

- Chấp nhận phải chăng là một hình thức của tin tưởng ?

- Con đường đạo đòi hỏi một đức tin, nhưng không phải nhắm mắt tin tưởng bừa bãi. Đức tin chỉ đến sau khi người tìm đạo tự mình nhận thức rõ ràng, sau khi hiểu biết chứng nghiệm nó một cách rốt ráo. Các ông là những khoa học gia, không đời nào các ông tin tưởng một sự kiện gì nếu không kiểm chứng rõ ràng. Sự nghi ngờ là một điều cần thiết, nhưng nếu có những sự kiện mà khoa học không thể chứng minh hay chưa thể chứng minh được, các ông sẽ phải làm gì ? Phủ nhận chăng ? Nếu phủ nhận, các ông đã bỏ qua một cơ hội tìm hiểu nghiên cứu. Nếu chấp nhận mà không kiểm chứng thì các ông đã mù quáng tin tưởng bừa bãi. Tôi không mong các ông phải tin tưởng những điều tôi trình bày, nhưng mong các ông hãy suy gẫm, nghiên cứu

nó. Nếu chưa thể sử dụng các dụng cụ khoa học thực nghiệm để chứng minh thì hãy sử dụng lý trí, trực giác, vì sự nghiên cứu cõi âm là một khoa học, chứ không phải một sự tin tưởng bừa bãi. Kiến thức về cõi giới này sẽ giúp đỡ nhiều người, tôi tin rằng trong một ngày không xa sẽ có nhiều cuộc nghiên cứu về đối tượng này.

- Tại sao ông không công bố những khám phá của mình cho mọi người ? Tại sao ông lại ẩn thân một nơi hoang vu như thế này ? Nếu ông muốn, kiến thức của cõi giới này được nghiên cứu rộng rãi thì ông phải là người khởi xướng nó lên để mọi người được biết , và biết đâu sau đó lại chẳng có những cuộc nghiên cứu ?

Hamud mỉm cười :

- Khi trình độ con người chưa đến lúc, thì có

những điều chưa thể công bố được. Các bậc giáo chủ ngày trước đã giảng dạy chân lý làm thành hai phần, Công truyền và Bí truyền . Tại sao các ngài lại dạy riêng cho một thiểu số môn đồ giáo lý Bí truyền ? Phải chăng các ngài biết chỉ một thiểu số người mới có thể lãnh hội được những điều ngài giảng dạy. Khoa học nghiên cứu về cõi âm cũng có những sự nguy hiểm riêng của nó, không thể truyền dạy bừa bãi cho tất cả mọi người.

- Xin ông giải thích rõ hơn về việc này, tại sao lại nguy hiểm ?

- Tôi vừa trình bày cho các ông một phương pháp tinh luyện các thể như tôi đã được truyền dạy. Dĩ nhiên, còn có nhiều phương pháp khác cũng mang lại các kết quả tương tự nhưng cứu

cánh lại khác hẳn. Có hàng trăm phương pháp phát triển năng khiếu thần thông, nhưng người tu phải hiểu rằng quyền năng chỉ là những phương tiện thấp thỏi, giúp ta mở rộng kiến thức. Quyền năng không bao giờ là một cứu cánh, một mục đích. Sự tham luyến, vọng tưởng sẽ đưa người có quyền năng vào ma đạo. Người tu hành cần ý thức rõ rệt rằng chỉ khi nào phàm ngã hoàn toàn bị tiêu diệt thì con người mới thoát khỏi ảo ảnh của màn vô minh và thực sự chứng nghiệm chân lý. Quyền năng càng cao ta càng phải lập hạnh, nghiêm khắc giữ gìn đề cao cảnh giác các ảo ảnh của vô minh….

- Ông nói đến vô minh như một cái gì trừu tượng, liệu ông có thể lấy một thí dụ dễ hiểu hơn không vì danh từ này còn xa lạ với chúng tôi ?

- Hãy lấy thí dụ một người tu hành công phu khổ luyện đã bắt đầu khai mở vài quyền năng thô thiển như Thần Nhãn chẳng hạn. Vì số người có quyền năng này ở cõi trần rất ít, người đó tưởong mình tiến bộ vượt bực, đã trở nên một đấng này, đấng nọ. Lòng kiêu căng phát triển xúi dục họ nghĩ rằng mình đã đắc quả vị lớn lao, đã được giao phó các sứ mạng cao cả. Họ tự phong cho mình những chức tước, danh vọng hoặc đôi khi tín đồ xưng tụng cho họ là đấng này, đấng nọ, thì họ cũng chấp nhận tuốt. Họ nghĩ mình đã sáng suốt, cao cả thì còn lầm lạc thế nào được nữa… Họ đâu hiểu rằng trong cõi âm có rất nhiều vong linh bất hảo hay tìm cách hướng dẫn sai lạc những người non nớt vừa bắt đầu khai mở quyền năng. Dĩ nhiên với trí tuệ nông cạn,

họ không có một tiêu chuẩn nào để xét đoán, hiểu biết những hiện tượng, những điều họ nhìn thấy và trắc nghiệm xem điều đó có hợp với chân lý hay không ? Bởi thế họ dễ bị lung lạc để trở nên một tay sai đắc lực của các vong linh, ma quỷ, các sinh vật vô hình. Như các ông đã thấy những pháp sư, thầy phù thuỷ, các tu sĩ thiếu sáng suốt, thiếu công phu tu hành, thiếu trì giới, đều rơi vào cạm bẫy của vô minh cả. Họ có một vài quyền năng thật nhưng không sử dụng nó vào mục đích giúp dời mà sử dụng vào các việc ích kỷ hại nhân…

- Nhưng làm sao tránh được các điều này ? Làm sao một người mới bắt đầu có quyền năng biết được những điều mình nhìn thấy không phải là ảo ảnh của vô minh, những điều mình chứng

nghiệm không phải sự truyền dạy vu vơ của loài sinh vật vô hình ?

Hamud nghiêm trang tuyên bố :

- Người nào sống một đời tinh khiết về tư tưởng và hành động, không bị ô nhiễm bởi ích kỷ thì sẽ được che chở. Với các rung động thanh cao, các ảnh hưởng xấu không thể xâm nhập, các vong linh bất hảo thấy người đó không có gì để chúng lợi dụng được. Trái lại, một người còn nhiều tham vọng, thiếu công phu trì giới thì chính sự rung động bất thiện phát xuất từ nội tâm người đó, sẽ hấp dẫn các vong linh, ma quái đến quanh. Trong họ còn đầy đủ các khí cụ như Tham, Sân, Si, ích kỷ, mê muội thì quá dễ dàng để các vong linh lợi dụng. Một tu sĩ bất cứ tôn giáo nào cũng đều phải giữ giới, tuân các điều răn vì các bậc

giáo chủ sáng lập tôn giáo đã đi qua con đưòong đó, đã biết các hiểm nguy và đặt ra cấm điều để cho người theo sau biết đường mà tránh.

- Nhưng các lối tu luyện thần thông vào mục đích nhất định như chữa bệnh thì sao ?

- Điều này tuỳ tâm thức người luyện, nhưng theo sự hiểu biết của tôi thì bất cứ lối tập luyện nào thiếu sự đứng đắn đều đưa vào con đường nguy hiểm. Các ông nên biết một khi có quyền năng, dù là một quyền năng hạ cấp rất thô thiển, kẻ sự dụng nó đều có thể làm nhiều việc mà người bình thường cho là "phi thường", vì đa số nhân loại chưa có khả năng đó. Điều này khiến kẻ luyện dễ trở nên kiêu căng và nếu không có tâm trong sạch, y có thể sử dụng quyền năng này vào các điều tà vạy.

Giáo sư Allen lắc đầu :
- Ông nói điều xấu, điều tốt như có một tiêu chuẩn rõ ràng vậy. Tại sao ông không nghĩ xấu hay tốt chỉ là những điều tương đối. Một điều người Âu cho là vô lý có thể người Á châu lại chấp nhận như một sự kiện hữu lý.
Hamud gật đầu :
- Đúng thế, quan niệm xấu tốt, thiện ác ít nhiều chịu ảnh hưởng xã hội, nhưng vượt lên cao hơn nữa, chúng ta vẫn có luật vũ trụ kia mà. Theo sự hiểu biết của tôi, thì có hai con đường: Chánh đạo và Tà đạo. Con người làm chuyện tà đạo là khi y dùng quyền năng tiềm tàng của mình để mưu lợi riêng cho sự phát triển cá nhân, và sẵn sàng hy sinh hạnh phúc của kẻ khác. Phát triển cá nhân ở đây có nghĩa là sự bành trướng về

giác quan, cảm xúc hay tri thức của cá nhân, mà không kể gì đến sự thiệt hại cho kẻ khác. Một người lợi dụng sự ngu dốt, yếu đuối của kẻ khác để thu lấy ít lợi lộc về tiền bạc hay thoả mãn tham vọng cá nhân tức là đang đi trên con đường tà đạo. Nếu y có chút quyền năng, y sẽ trở nên ghê gớm như thế nào ? Chánh đạo cũng là việc sử dụng những quyền năng của mình, nhưng để phụng sự nhân loại. Trong khi phụng sự, con người sẵn sàng hy sinh mọi tiện nghi, tham vọng cá nhân mình để làm việc hữu ích cho kẻ khác. Kẻ phụng sự dứt tuyệt các thú vui về giác quan, từ bỏ mọi tôn kính chính đáng mà y có quyền hưởng thụ, dẹp bỏ cái phàm ngã cá nhân, chỉ nên chú trọng đến mục đích đạt đến sự toàn thiện. Tà đạo sử dụng quyền năng qua các

hình thức lễ nghi, cúng bái trợ lực để tạo nên các đoàn thể hình thức. Các hình thức này có thể là vật chất hay một tổ chức mà công cụ của nó không phải lo cho đời sống hay một lý tưởng cao thượng mà chỉ là một hình thức phát biểu cho quan niệm riêng của mình. Chánh đạo là sử dụng các quyền năng cố hữu của bản chất con người để vượt qua mọi hạn định của hình thức. Để giải thoát tâm hồn khỏi các trói buộc của cảm giác, của sự tưởng tượng hay xu hướng nhất thời. Để tránh các cám dỗ, lừa gạt của vô minh, để phục vụ cái phần tử thiêng liêng của bản thể vũ trụ. Một người nghiên cứu huyền môn có thể đi trên đường chánh cũng như tà. Họ có thể tìm cách phát triển cá nhân qua sự tự chủ gắt gao để khai mở các quyền năng, thu thập kiến thức. Họ

cũng có thể ao ước cõi thiên đàng mở rộng trong lòng mọi người, và chính trong họ, qua các hành động bác ái, vị tha. Trong hai trường hợp, hạng đầu cầu mong kiến thức, quyền năng; hạng sau muốn trở nên người hữu dụng. Càng đi xa thì sự tiến bộ càng khác biệt. Người sử dụng kiến thức, quyền năng để phụng sự, sẽ trở nên một bậc "Bồ Tát" (Bodhisattva), và chỉ có trái tim Bồ Tát mới là ánh sáng soi đường, chỉ lối giúp họ đi trọn vẹn con đường đạo. Người cầu trí thức cho mình chỉ quanh quẩn trong phạm trù cá nhân một lúc, thiếu từ bi, trí tuệ, y rất dễ bị sa ngã vào ma đạo lúc nào không hay. Không có trí tuệ bát nhã soi đường, y dễ trở thành nạn nhân của vô minh. Điều này cũng như một người đi biển mà không có bản đồ, la bàn định hướng, mà đi bừa bãi thì

làm sao đến nơi được. Đường đạo cũng thế, một tu sĩ phải trì giới nghiêm minh để tu thân, nhưng vẫn chưa đủ, mà còn phải lập những hạnh nguyện, xác định mục đích rõ ràng để hành động. Có tu thì phải có hành, phải biết đem kiến thức của mình ra để giúp ích cho những người khác. Trí tuệ phải đi đôi với Từ Bi. Có "Trí" mà thiếu "Tâm" chỉ là mớ kiến thức vô dụng, một cái xác không hồn. Có "Tâm" mà thiếu "Trí" cũng không được vì sẽ dễ sa ngã, đi lầm vào tà đạo. Đó là điều đã xảy ra trong quá khứ, các tu sĩ thiếu kiến thức, trí tuệ, đã bị vô minh che phủ. Họ coi thượng đế như một đấng thần linh để thờ phụng, tách ngài ra khỏi tín đồ và dạy bảo rằng thượng đế cao siêu quá, không thể nói chuyện với những người tầm thường được, mà phải qua

trung gian của giới tăng lữ. Họ đặt đủ các ngôn từ hoa mỹ, thêu gấm dệt hoa vào giáo điều để tín đồ quay cuồng trong ngôn ngữ, mà xa lánh chân lý thực tế. Dần dần các chân lý cao đẹp bị bao phủ bằng các hình thức mê tín dị đoan, các điều xằng bậy, và đưa đến chỗ suy tàn…. Đó là điều đã xảy ra cho tôn giáo Ai Cập.

Giáo sư Evan-Wentz ngắt lời :

- Xin ông nói rõ hơn về sự suy tàn của nền văn minh Ai cập. Lịch sử vẫn chưa hiểu tại sao nền văn minh này lại suy tàn nhanh chóng như vậy ?

Hamud ngồi im lặng như hồi tưởng một ký ức xa xôi nào đó, một lúc sao y gật đầu :

- Có nhiều giả thuyết về sự suy tàn của nền văn minh Ai cập. Đa số đổ lỗi cho chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, nhưng ít ai biết rõ nguyên nhân

sâu xa. Tôi không có ý muốn tiết lộ những điều này, vì mục đích buổi tiếp xúc hôm nay là nói chuyện, tham khảo về cõi giới vô hình. Tuy nhiên, tôi sẵn sàng tiết lộ những điều thầm kín như một nhân duyên đặc biệt với các ông. Điều này không phải tự ý tôi, nhưng do một thông điệp tư tưởng của một vị chân sư chuyển giao. Tôi muốn tiết lộ những điều này như một cảnh cáo đối với thế giới ngày nay, để họ không đi vào vết xe của quá khứ…

Một lần nữa, sự hiện diện của một vị chân sư bí mật lại được nhắc đến khiến mọi người vô cùng cảm kích. Vị pháp sư Ai cập ngửa mặt nhìn lên trời như ôn lại dĩ vãng :

- Trong thời buổi vàng son, nền văn minh Ai cập đã đến lúc cực thịnh. Các đạo viện với những

minh sư truyền dạy khoa học huyền môn, đưa dân trí đến một mức tiến bộ vượt xa thời buổi hiện nay. Tuy nhiên, theo thời gian, nhiều tu sĩ đã không giữ gìn giới luật khắt khe, hoặc không thấu hiểu các giáo điều cao siêu. Họ bèn tìm một lối đi ngắn hơn và dễ hơn, chú trọng về phương pháp kỹ thuật để đạt đến quyền năng. Thần thông trở nên mục đích chứ không phải phương tiện nữa. Để đạt mục đích, họ không ngần ngại hy sinh quyền lợi tôn giáo, quốc gia… Thiếu sáng suốt nên họ đi vào ma đạo, và chịu sự sai khiến của các động lực bất hảo. Các tăng lữ này lập thành phe nhóm, liên kết lẫn nhau, để tạo một ảnh hưởng cực mạnh, đến nỗi các vua Pharaoh hách dịch cũng phải kiêng dè. Họ lạm dụng danh từ tôn giáo, thần linh, truyền bá các tà thuật, phù

phép, thần chú hắc ám để lôi cuốn tín đồ. Dĩ nhiên với các tà thuật, họ có thể làm mọi thứ mà một người bình thường vô phương chống lại. Chỉ một thời gian ngắn, dân chúng đều trở thành nạn nhân của một thứ tà giáo. Các vị pháp sư trở nên sứ giả của cõi âm, một thứ quỷ sống đội lốt người. Họ còn kêu gọi những âm binh hung ác nhất đến giúp họ đạt các mục đích ám muội. Trong đền thờ, khoa phù thuỷ thay thế sinh hoạt tâm linh và các tu sĩ chân chính bị loại trừ, đào thải nhanh chóng. Cũng vì thế, khoa huyền môn chân chính trở nên thất truyền vì không người tu học, nghiên cứu. Các tu sĩ chân chính phải trốn tránh, từ bỏ các giáo đường uy nghiêm. Nền văn minh đặt căn bản trên kiến thức huyền môn cũng tàn lụi, khi cánh cửa huyền môn chân

chính khép chặt. Các ông nên biết, trong thời cổ, hầu hết các khoa học gia, y sĩ, các nhà toán học kiến trúc đều xuất thân từ giới tu sĩ hoặc học hỏi trong các tu viện; vì thời đó, không có trường học hay nền giáo dục như bây giờ. Khi bùa chú, phép thuật mê hoặc nhân tâm, thúc đẩy con người từ bỏ thượng đế để tôn thờ các loài ma quái thì các thứ như chiêm tinh, toán học, kiến trúc, không còn lý do để tồn tại. Thời gian trôi qua, nền văn minh Ai cập huy hoàng đã xuống dốc cực kỳ thảm hại. Chính các tu sĩ lầm lạc, ích kỷ đầy tham vọng là nguyên nhân gây nên hoàn cảnh trên. Họ lợi dụng danh nghĩa tôn giáo, một thứ tôn giáo ma quái để đưa Ai cập vào con đường thoái hoá. Thay vì lo giải thoát cho chính mình khỏi mê lầm, thì họ lại hướng dẫn quần

chúng vào ma đạo. Thay vì tuân theo các giới luật thì họ lại phá giới, nguỵ biện bằng các danh từ hoa mỹ, tốt đẹp. Thay vì kiểm thảo nội tâm, họ lập phe nhóm bênh vực lẫn nhau để che dấu các hành vi tà muội. Khoa nghi thức hành lễ mất hết các tính cách thiêng liêng, mà chỉ còn hình thức bề ngoài, kêu gọi một năng lực ngoại giới đến trợ giúp quyền uy giáo sĩ. Sự hiến dâng biến thành hối lộ, tu sĩ lựa chọn các thứ mình thích nhất như món ăn, thiếu nữ xinh đẹp để tế thần. Sau đó đem chia chác cho nhau cùng hưởng thụ; thượng đế nhân từ bác ái bỗng biến thành một thần linh toàn lực, toàn uy, trọn quyển thưởng phạt mà giới giáo sĩ là trung gian. Để lung lạc nhân tâm, khoa bùa chú, thôi miên được sử dụng tối đa như một phương tiện cần thiết để

thoả mãn tham vọng cá nhân. Để tránh các tinh tuý huyền môn không lọt vào tay giới bàng môn tà đạo, các tu sĩ chân chánh đã sử dụng khoa Ám Tự (chữ tượng hình cổ Ai cập). Đây là một văn tự huyền bí ẩn dấu nhiều ý nghĩa tâm linh mà chỉ các tu sĩ chân chính sau khi vượt qua thử thách mới được tiết lộ. Sự sử dụng ý nghĩa biểu tượng hoặc tỷ dụ được dùng tối đa, chính Moses về sau đã sử dụng ngôn ngữ này trong các cuốn sách của Do thái . Sự bành trướng của nhóm tà đạo quá mạnh, các tu sĩ chân chính phải rút vào rừng sâu núi thẳm và cuối cùng thì khoa huyền môn chân chính cũng thất truyền. Một số giáo sĩ, khoa học gia, các nhà toán học, kiến trúc, trốn sang Hy Lạp và truyền dạy các khoa này tại đây, mở đầu cho một nền văn minh mới. Trong khi

đó, để lôi cuốn phe đảng, vấn đề truyền giáo được đặt ra và giới tăng lữ buộc các vua Pharaoh phải gây chiến tranh để truyền bá tôn giáo. Các cuộc "thánh chiến" này đã đem lại một giai cấp mới – Nô lệ .

Giaó sư Mortimer ngạc nhiên :

- Như thế lúc trưóoc không có nô lệ hay sao ?

Hamud lắc đầu :

- Nền văn minh cổ đặt căn bản trên sự bác ái hoàn hảo của từng cá nhân, làm gì có vấn đề nô lệ. Hiện tượng nô lệ chỉ bắt đầu khi văn hoá suy đồi, giới tu sĩ lộng hành và sau các cuộc chiến tranh. Lúc đầu họ là tù binh chiến tranh, về sau họ trở thành nô lệ. Sau đó các giáo sĩ đặt ra luật những ai không cùng tôn giáo đều bị coi là nô lệ. Dân Do thái vì khác tôn giáo nên trở thành nạn

nhân đầu tiên. Tình trạng nô lệ thay đổi xã hội rất nhiều, các giáo sĩ không cần sử dụng bùa chú, thôi miên để thoả mãn dục vọng, các nô lệ đương nhiên phải làm tất cả những gì chủ nhân muốn. Theo thời gian, pháp môn phù thuỷ, bùa chú cũng thất truyền vì giới tu sĩ không cần đến nó nữa. Khi các phép thuật biến mất thì uy tín các giáo sĩ cũng giảm theo, và các vua Pharaoh bắt đầu hạn chế quyền lực các giáo sĩ. Khi nền văn minh xuống dốc, các chân lý tốt đẹp biến mất, đời sống hưởng thụ của tiện nghi vật chất khiến các vua chúa trở nên ích kỷ, chỉ muốn kéo dài đời sống, nên phong tục xây cất nhà mồ, ướp xác trở nên thịnh hành,vì nó hứa hẹn một đời sống vĩnh cửu. Công cuộc xây cất những ngôi mộ vĩ đại đã làm khánh kiệt tài sản quốc gia, đưa xã

hội Ai cập vào một tình trạng suy thoái... Do đó, Ai cập trở nên một miếng mồi ngon cho Ba Tư và Hy Lạp.. Lịch sử đã ghi chép khá rõ ràng từ lúc này, tôi chắc các ông đã biết rõ....
Phái đoàn im lặng nhìn nhau, sự suy yếu của Ai cập sau khi bị Ba Tư, Hy Lạp cai trị không phải là một điều gì xa lạ, nhưng tại sao một nền văn minh như Ai cập đã xây cất những Kim tự tháp hùng vĩ, đã sản xuất bao nhân tài, ảnh hưởng sâu rộng đến toàn cõi Trung đông, lại suy sụp mau chóng vẫn còn là một câu hỏi lịch sử. Lời giải thích của Hamud là một chìa khoá vô giá về lịch sử này.
Nhà pháp sư Ai cập mỉm cười nhìn tất cả mọi người :
- Lịch sử nhân loại luôn luôn biến đổi theo chu

kỳ, nhiều việc xảy ra trong quá khứ sẽ tiếp diễn lại. Có sống trong thời buổi đen tối, hỗn loạn, đầy đau khổ hoang mang, nhân loại mới ao ước cõi tâm linh cao thượng . Nhu cầu này sẽ được đáp ứng, và một đấng thánh nhân sẽ chuyển kiếp xuống trần, mở rộng cánh cửa tâm linh, hướng dẫn nhân loại dưới một hình thức, phương tiện thích hợp với hoàn cảnh thời gian và không gian khi đó. Điều này đã xảy ra nhiều lần tại các nơi khác nhau trên thế giới, từ Trung hoa qua Ấn độ, đến Trung đông. Các bậc thánh nhân đều rao truyền những chân lý cao siêu, đẹp đẽ, nhưng vì nhân loại cứ u mê, thiếu hiểu biết, nên chỉ ít lâu sau tất cả lại quay cuồng vào vết xe cũ. Các chân lý cao đẹp bị xuyên tạc, sửa đổi, giảng giải sai lạc bởi các giáo sĩ mê tín, thành

kiến , đầy cuồng tín. Dù sao đi nữa bánh xe tiến hoá vẫn quay đều và trong mọi hoàn cảnh, thời đại nào cũng có các cá nhân cố gắng vượt mức để tự giải thoát ra khỏi ảo ảnh của màn vô minh để nhận định chân lý…

Hamud im lặng một lúc rồi thong thả :

- Tôi muốn các ông ghi nhận một điều này, các ông có thể coi đó như một lời tiên đoán hay cảnh cáo trước cũng được. Thời gian sắp đến sẽ là một giai đoạn cực kỳ tiến bộ về tri thức, nhưng thoái bộ về tâm linh. Mọi sự hiểu biết chỉ nhắm vào hiện tượng thay vì nguyên nhân bản chất. Do đó, nền khoa học tương lai không thể chuyển biến được lòng người hoặc giúp cho con người có cái nhìn sáng suốt, có được một tâm hồn bình an. Nền "khoa học hiện tượng" chỉ kích

thích giác quan, cảm xúc hướng ngoại sẽ khiến cho con người cực kỳ bất mãn, lo âu và trở nên hoang mang phiêu bạt. Thêm vào đó, sự khai quật các ngôi cổ mộ Ai cập sẽ tháo củi xổ lồng cho vô số âm binh, các động lực cực kỳ hung dữ. Như tôi vừa kể với các ông, thời kỳ chót của nền văn minh Ai cập, các giáo sĩ đã thực hành tà thuật tối đa, mà khoa ướp xác là một bí thuật mang sự liên lạc của cõi vô hình vào cõi trần. Tất cả các ngôi mộ cổ đều là nơi giam giữ các động lực vô hình để canh giữ, duy trì ảnh hưởng tà môn. Khi được tháo củi xổ lồng, chúng sẽ mang nền tà giáo cổ Ai cập trở lại thế kỷ này. Dĩ nhiên, dưới một hình thức nào nó hợp thời hơn. Một số pháp sư vốn là sứ giả cõi âm sẽ đầu thai trở lại, hoặc nhập xác để tác oai, tác quái, tái tạo một xã

hội tối tăm, sa đoạ, đi ngược trào lưu tiến hoá của thượng đế. Thế giới sẽ trở thành nạn nhân của thứ tôn giáo ma quái này.. Chiến tranh, đau khổ, bất an cùng các kích thích của cảm giác mới lạ do nền "khoa học hiện tượng" mang lại, sẽ thúc đẩy con người vào các cùng cực của cuộc sống. Trong thời buổi này, khối óc ly trí không giúp được gì mà chỉ có sự hiểu biết và ý thức bản chất thầm lặng của nội tâm mới đáp ứng được. Đó là lối thoát duy nhất mà thôi.

Giáo sư Allen ngắt lời :

- Nhưng đã có bằng chứng gì về sự hiện diện của các động lực vô hình này. Làm sao có thể cảnh cáo mọi người về sự trở lại của pháp sư thời cổ ? Người Âu Mỹ sẽ chẳng bao giờ chấp nhận một điều hoang đường, vô lý nếu không có bằng

chứng rõ rệt.

Hamud mỉm cười bí mật :

- Cõi âm là đối tượng nghiên cứu của tôi, nên tôi có thể trình bày một vài dữ kiện để các ông suy nghiệm, như một bằng chứng. Chuyện xảy ra đã bắt đầu xảy ra, theo thời gian các ông sẽ thấy. Dù các pháp sư tà đạo thời cổ này có khéo léo dẫn dụ con người bằng những danh từ hoa mỹ, những chủ thuyết đẹp đẽ thế mấy đi nữa, thì họ vẫn chỉ có thể sống như một con người. Dù thế nào họ cũng không thể bỏ qua các thói quen cũ của quá khứ, họ sẽ đội lốt tôn giáo, họ sẽ kêu gọi sự hợp tác của thần quyền, họ sẽ đặt ra các giáo điều mới, thay thế các chân lý cao đẹp để lôi kéo con người từ bỏ thượng đế. Họ sẽ sử dụng danh từ, ngôn ngữ để đánh lạc hướng mọi người, tuy

nhiên trước sau gì họ cũng phải chết và trước khi chết, họ sẽ di chúc yêu cầu ướp xác họ và xây dựng những nhà mồ vĩ đại bằng đá như họ đã từng làm trong quá khứ…

Giáo sư Allen bật cười :

- Như vậy thì nhận diện họ quá dễ, nhưng tôi không tin thời buổi này còn ai ướp xác, xây cất nhà mồ như vậy, ông nên nhớ chúng ta đã bắt đầu vào thế kỷ 20, không phải tám ngàn năm trước ?

Hamud mỉm cười :

- Rồi các ông sẽ thấy, tôi mong các ông ghi chép những điều này cẩn thận rồi đúng hay sai thời gian sẽ trả lời.

hết: Chương IX, xem tiếp: Chương X

Chương X

Hành trình về phương Đông

“Yêu cầu chấm dứt cuộc du khảo. Mọi tài trợ cắt đứt. Trở về Luân đôn ngay.”

Bức điện tính đến bất ngờ, làm phái đoàn hết sức sửng sốt. Bác sĩ Kavir cho biết một tờ báo ở Luân đôn đã ghi nhận rằng phái đoàn khoa học ưu tú nhất Anh quốc, đã quỳ mọp bên cạnh những đạo sĩ “trần truồng” xứ Ấn để nghe dạy bảo.

Dư luận quần chúng hết sức phẩn nộ, đòi đại học Oxford phải ngưng ngay các cuộc du khảo và triệu hồi phái đoàn trở về để giải thích. Phái đoàn lập tức lấy xe lửa trở về Bomby.

(Ghi chú : Khi đó Ấn độ đang là thuộc địa của Anh,

và vấn đề kỳ thị chủng tộc, giai cấp còn rất mạnh)
Nhật ký của giáo sư Spalding :
“Thật là bất ngờ khi chúng tôi nhận được bức điện tín, kèm theo đó là một bức thư của Lãnh sự quán Bombay cùng những mẫu báo nói về những giáo sư đại học của Hoàng gia đã “quỳ mọp” bên cạnh những phù thuỷ Ấn mang rợ để nghe dạy bảo. Lời tường thuật đầy ác ý của một ký giả thiếu sáng suốt, đã phá hoại công trình sưu tầm nghiên cứu đang diễn ra tốt đẹp. Làm sao có thể giải thích cho quần chúng hiểu rằng ngoài các phong tục, tôn giáo hỗn độn, phức tạp, hoang đường, mê tín dị đoan còn ẩn dấu các chân lý cao đẹp mà người Âu cần nghiên cứu. Đành rằng Ấn độ đã ngủ say trong bao thế kỷ nay, nhưng trong sự suy đồi vật chất vẫn tiềm tàng một sinh lực tâm linh mãnh liệt đang chờ đợi được đánh thức.

Chúng tôi đã học hỏi nhiều trong cuộc du khảo này, bài học đầu tiên do một người Anh, thương gia Keymakers đã dạy :

- Để nghiên cứu một cách vô tư và khoa học, người Âu cần gạt bỏ lòng tự kiêu, thành kiến văn hoá, chỉ giữ gìn một đầu óc khoa học, phê bình chặt chẽ để có thể xuyên qua rừng người mê tín tìm đến sự thật.

Như một viên ngọc quý cần phải được mài dũa, cuộc đi tìm chân lý cũng thế, chúng tôi đã mất mấy năm trời tìm tòi, gạn lọc mới gặp được các vị đạo sư tiêu biểu cho đời sống tâm linh thực sự của xứ Ấn. Nhờ những may mắn tình cờ, chúng tôi đã gặp các sinh hoạt tâm linh cao thượng mà ít người Âu nào có diễm phúc khám phá. Tất cả những chân lý từ trước đến nay chỉ được truyền bá một cách hết sức bí mật, thận trọng, đã được

tiết lộ cho chúng tôi. Là một phái đoàn khoa học, chúng tôi đã phân tách kỹ lưõong, kiểm soát cẩn thận, phê bình chặt chẽ và đặt câu hỏi cho đến khi thật rõ ràng. Mỗi người chúng tôi đều ghi chép vào sổ tay cá nhân riêng những sự kiện quan sát, sau đó chúng tôi cùng nhau kiểm điểm, bàn luận và kiểm chứng lại tài liệu này cho đến khi tất cả đồng ý là chính xác, mới ghi vào hồ sơ chính. Nhờ phương thức này, chúng tôi quả quyết rằng tài liệu ghi nhận hoàn toàn đặt căn bản trên nền tảng khoa học chứ không phải sự tin tưởng hay hiểu biết của một cá nhân.

Chúng tôi hy vọng khi công bố, các kết quả này sẽ là một nhịp cầu thông cảm giữa hai văn hoá và thúc đẩy những cuộc nghiên cứu sâu rộng hơn. Sự kiện vừa qua đã thay đổi tất cả và làm sụp đổ mọi kỳ vọng khiêm tốn nhất. Giáo sư Allen tin rằng

nếu chúng tôi trở lại Luân đôn tuyên bố những điều khám phá và giải thích lý do một cách rõ ràng có thể quần chúng sẽ có thiện cảm hơn chăng ? Tôi không nghĩ như thế, hiện tại còn quá sớm để thay đổi một dư luận bắt nguồn từ những quan niệm hẹp hòi, những thành kiến và sự tự hào mù quáng.
Người Âu chỉ nhìn Ấn độ như một xứ chậm tiến, một thuộc địa dốt nát, mê tín đầy những kẻ thất học, chứ nào thấy được những giá trị tinh vi, những khoa học tiến bộ được che dấu cẩn thận dưới ánh nắng thiêu đốt miền nhiệt đới.
Giáo sư Mortimer và nhóm khoa học gia Hoa kỳ có ý muốn tách riêng và tiếp tục cuộc nghiên cứu vì xứ Hoa kỳ dù sao cũng ít thành kiến hơn. Đại học Yale và Harvard sẵn sàng bảo trợ cuộc du khảo, nhất là khi nó đã có kết quả. Với tư cách

trưởng phái đoàn, tôi không muốn thấy công trình tốt đẹp bị gián đoạn nhưng cũng không muốn đại học Hoa kỳ hưởng hết kết quả, dù sao tôi cũng là một người Anh, với mọi tự hào về truyền thống Oxford đã đào tạo ra chúng tôi, và chúng tôi muốn tên tuổi nó trong cuộc khảo cứu tiền phong này.
Viên lãnh sự lạnh nhạt tiếp đãi phái đoàn trong căn phòng nhỏ. Y chỉ mẫu báo nói về cuộc nghiên cứu đang trở nên một đề tài hấp dẫn, được báo chí khai thác triệt để :
- Các ông nên biết điều một chút, dù sao các ông cũng là những khoa học gia, giáo sư đại học lừng lẫy, có chân trong hội Khoa học Hoàng gia. Các ông là đại diện cho thành phần danh dự, ưu tú nhất nước Anh... Các ông đã làm mất uy tín Hoàng gia, tại sao các ông không chịu ngồi yên ở Oxford ?

Cái xứ nóng bực này có gì đâu để khảo cứu....
Giaó sư Oliver nổi nóng :
- Đó là việc riêng của chúng tôi, anh biết gì mà nói ...
Viên lãnh sự nhếch miệng cười nhạt :
- Đó không phải việc riêng của các ông nữa, nó liên quan đến danh dự Hoàng gia, danh dự Oxford. Các ông nên biết tôi cũng xuất thân từ Oxford....
Giáo sư Oliver buột miệng :
- Nếu anh xuất thân từ Oxford thì anh phải biết cuộc khảo cứu này sẽ làm rạng danh đại học của chúng ta. Một ngày nào đó, người ta sẽ nói rằng chính Oxford đã tiên phong trong việc khảo cứu các hiện tượng huyền bí, các môn Yoga....
- Yoga ? Yoga là cái gì ? Ông muốn nói đến một loài thú nào chăng ?

Giáo sư Oliver há hốc miệng, không nói thêm lời nào. Một sự ngờ nghệch như vậy có thể tha thứ được đối với một công dân tầm thường, vô học, chỉ quanh quẩn nơi xó nhà, chưa hề ra khỏi tầm chuông nhà thờ Westminster… Đằng này y là một lãnh sự, đại diện cho Hoàng gia, xuất thân từ Oxford và đã sống ở Ấn độ hơn 6 năm nay. Viên lãnh sự xem xét thông hành và cho biết phái đoàn phải rời Ấn độ ngay trong tuần lễ sau.

***

Nhật ký của giáo sư Spalding :

Trong khi mọi người trở về khách sạn, chờ đợi ngày lên tàu trở về Luân đôn. Tôi vẫn linh cảm sẽ có một chuyện gì xảy ra. Tôi lang thang trong khu phố Bombay đông đúc, đầu óc mơ hồ, không biết phải làm gì. Tôi cố ôn lại những việc xảy ra trong vòng nửa năm qua. Quả thế, từ hôm thất vọng đi

lang thang như thế này trong thành Benares. Tôi đã gặp một người Ấn cao lớn, khác thường đã chuyển giao thông điệp của một Chân Sư. Từ đó khắp mọi nơi, phái đoàn luôn luôn được che chở và may mắn gặp gỡ những người dành trọn đời cho việc đi tìm chân lý, những người đã thắng đoạt thiên nhiên, đã chinh phục được các sức mạnh vô hình trong trời đất, đã có quyền năng phi thường… Đúng như lời người đó nói, sự nghiên cứu đã vén mở được những điều phái đoàn muốn tìm kiếm, nhưng mọi người vẫn chưa hài lòng. Chúng tôi ao ước được gặp vị Chân Sư bí mật, một người mà tôi có cảm giác đã quen, đã biết từ một tiềm thức xa xôi nào. Trong giây phút đó, tôi bỗng có một ý tưởng lạ lùng, bằng tất cả sức mạnh tư tưởng tôi ao ước vị Chân Sư bí mật này hãy giúp đỡ chúng tôi, hãy cho chúng tôi gặp

mặt.
Đang đắm chìm trong dòng tư tưởng triền miên bỗng tôi giật mình, một cảm giác lạ lùng như một luồng điện chạy dọc theo xương sống, khiến tôi mở choàng mắt ra. Dưới chân một cây cổ thụ cao lớn, cành lá xum xuê, một người Ấn với khuôn mặt phương phi, quai hàm rộng, trán cao, cặp mắt tinh anh có khả năng thu hút người khác. Còn ai vào đây nữa, chính người Ấn lúc đầu mà tôi đã gặp tại thành Benares. Chính người này đã mang thông điệp đầu tiên cho phái đoàn. Tôi vội vã chạy đến mừng như gặp bạn cố tri. Người Ấn mỉm cười :
- Thế nào ? Việc nghiên cứu của các ông tốt đẹp chứ ? Tôi hy vọng Brahmananda, Sudeih Babu, Mahasaya, Harishinanda, Hamud El Sari… không làm các ông thất vọng.

Tôi há hốc miệng, không nói được câu nào. Tại sao người này dường như biết tất cả ?

Người Ấn mỉm cười :

- Bạn mến, cách đây nửa năm, bạn có hỏi tôi rằng, các bậc Chân Sư có thật hay không ? Nếu có thật tại sao các ngài không xuất hiện dạy dỗ quần chúng ? Sự ẩn dật đâu có lợi ích gì ? Lúc đó, trong lòng bạn thật sự không lấy gì tin tưởng về sự hiện hữu của những cá nhân đã tiến xa trên con đường đạo. Tôi đã trả lời rằng, vì không biết rõ các ngài nên quan niệm thông thường không thể xét đoán các ngài một cách đứng đắn. Thực ra các bậc toàn thiện luôn luôn xuất hiện để giúp đỡ thế gian một cách lặng lẽ, âm thầm. Đa số mọi người tin rằng các ngài phải hiện ra trong hào quang rực rỡ, với các phép thần thông biến cõi trần đau khổ này thành một cõi thiên đàng. Điều này sẽ không bao

giờ xảy ra…. Khi đó bạn không hoàn toàn đồng ý, là một người Thiên chúa giáo, bạn vẫn nghĩ rằng, đấng Christ đã hứa sẽ trở lại cứu rỗi tất cả… Thực ra đấng Christ có bao giờ rời bỏ chúng ta đâu. Lúc nào ngài chả luôn bên cạnh ta, giúp đỡ chúng ta. Sự tin tưởng rằng ngài sẽ trở lại trong một vầng hào quang sáng chói là một điều không đúng. Chúng ta chỉ quen tìm kiếm thượng đế bên ngoài như một đấng toàn năng có thể giúp ta thoả mãn những điều mong ước, chứ không chịu tìm kiếm ở nội tâm, nơi ngài luôn ngự trị. Tôi hy vọng sự tiếp xúc với các đạo sĩ trong thời gian qua sẽ giúp bạn một căn bản vững chắc, một niềm tin mãnh liệt để có thể tiếp tục việc nghiên cứu.

Tôi kinh ngạc đến sững người, không những người Ấn này biết rõ tất cả mà dường như còn đọc được tư tưởng người khác. Người Ấn mỉm

cười hiểu ý :

- Các bạn đã được chỉ dẫn về khoa Yoga, các phương pháp dưỡng sinh, cõi giới vô hình, môn chiêm tinh bí truyền, các luật vũ trụ, quan niệm về Phàm Ngã và Chân Ngã…. Các bạn đã tỏ ra say mê, thích thú vì đó là điều khao khát bấy lâu nay, đúng không ?

- Tại sao….tại sao ông lại biết rõ như vậy ?

Người Ấn dịu dàng :

- Vì tôi là người được chỉ thị phải giúp đỡ các bạn. Chính tôi đã theo dõi tư tưởng các bạn từ khi phái đoàn vừa đặt chân đến xứ này. Tôi hết sức thông cảm sự bất mãn, buồn phiền, chán nản suốt hai năm đầu , khi các bạn đến thăm các đền đài nguy nga, tiếp xúc với các đạo sĩ nổi tiếng nhưng không học hỏi được điều gì mới lạ. Thay vì gặp các bậc hiền triết, các bạn gặp toàn những kẻ bịp đời,

những người giữ chức tước, địa vị thật cao mà công phu tu hành, trì giới lại rất thấp. Thay vì gặp những đạo sư có kinh nghiệm tâm linh, các bạn gặp những tu sĩ miệng nói thao thao như nước chảy mà chả biết mình đang nói gì, hình như chân lý cao siêu mà y trích dẫn từ kinh điển không dính dáng gì đến đời sống an nhà, sung sướng trong các đền thờ đồ sộ của y cả. Tất cả đều là những thử thách cho sự nghiên cứu của các bạn. Một chân lý có giá trị thực sự phải chịu nổi các thử thách của thời gian. Cuộc đi tìm chân lý cũng thế, nó đòi hỏi một sự cố gắng và một tinh thần khoa học, suy xét để gạt bỏ các điều mê tín, các thành kiến. Các bạn đã xứng đáng được truyền dạy những chân lý cao đẹp đó, tôi mới đến gặp bạn tại Benares và chuyển giao thông điệp của một vị Chân Sư. Nhờ thế các bạn mới thực sự gặp được

những người tiêu biểu cho nền minh triết của Á châu. Tuy nhiên, như tôi đã nói nếu bạn muốn đi xa hơn để gặp các bậc chân sư thì lại khác….

- Ông tin rằng chúng tôi có thể gặp các ngài ?
- Dĩ nhiên, nếu các bạn chọn con đường này, nó sẽ là một cuộc hành trình khác hẳn cuộc hành trình vừa qua. Các bạn sẽ không thể đứng bên ngoài mà nhìn vào, để nghiên cứu, ghi nhận như một khách bàng quang. Cuộc hành trình này phải là một kinh nghiệm cá nhân. Một sự hiểu biết mà không do mình tìm ra. Kinh nghiệm thật ra chỉ là một hiểu biết hời hợt, nông cạn. Sự hiểu biết do người khác mang lại, dù bằng bất cứ phương tiện nào, cũng chỉ là kinh nghiệm của người đó. Ta không thể trông đợi một chân lý đến từ bên ngoài, mà phải biết thế nào là đủ để dừng lại, để trở về. Đi xa tức là trở về, đó mới là con đường đứng đắn. Cuộc

hành trình này không như lần trước "đi ra ngoài", tiếp xúc với các đạo sư, ghi nhận những tinh hoa, soạn thảo tài liệu, mà phải là một cuộc hành trình "trở về", một cuộc hành trình về phương đông. Các bạn không thể nhân danh phái đoàn đi quan sát, ghi nhận nữa, mà phải là một nhóm người đi tìm chân lý và sống với chân lý đã học được. Trong cuộc hành trình này, các bạn sẽ không được công nhận bởi các đại học, dư luận quần chúng. Danh vọng của bạn có thể bị xuyên tạc, điều bạn học hỏi có thể bị chế nhạo, nghi ngờ. Các bạn sẽ hết sức cô đơn, nản lòng, thối chí, có lúc bạn sẽ sợ hãi và đâm ra nghi ngờ những điều đã xảy ra. Tóm lại, các bạn cần suy nghĩ cho kỹ trước khi quyết định. Nếu trở về Luân đôn một thời gian, đợi dư luận lắng dịu, các bạn có thể công bố những điều ghi nhận, nhưng mọi người có tin hay

không lại là chuyện khác. Nếu muốn tiếp tục, các bạn phải rời bỏ tất cả để làm một cuộc hành trình lên Tuyết Sơn . Đây là giây phút quyết định.
- Nếu chúng tôi muốn tiếp túc cuộc hành trình thì phải làm thế nào ?
Người Ấn mỉm cười :
- Tại sao bạn lại cứ hỏi tôi, phải làm gì ? Tôi phải làm thế nào ? Nếu muốn các bạn chỉ việc lên đường, có thế thôi.
Định mệnh con người luôn luôn có những thay đổi lớn, mặc dù không thấy rõ nhưng chúng ta vẫn vô tình tiến đến mục tiêu đã vạch sẵn. Không đầy hai tuần lễ sau, chúng tôi đã đứng trong làng Potar, ngay sát chân dãy Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ. Chúng tôi đã bỏ lại tất cả, danh vọng, địa vị, đoạn tuyệt với thành kiến, tự ái cố hữu của người Tây phương .

Cuộc hành trình về phương Đông của chúng tôi bắt đầu .

HẾT